

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành các Kế hoạch công tác Tư pháp năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ những nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Bắc Ninh năm 2025;

Căn cứ phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu công tác tư pháp năm 2025;

Theo đề nghị của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 63/TTr-STP ngày 24/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này các Kế hoạch công tác Tư pháp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2025, cụ thể:

1. Kế hoạch thực hiện công tác quản lý xử phạt VPHC;
2. Kế hoạch thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật;
3. Kế hoạch thực hiện quản lý nhà nước về công tác hỗ trợ tư pháp;
4. Kế hoạch triển khai thực hiện công tác bồi thường nhà nước;
5. Kế hoạch thực hiện công tác pháp chế;
6. Kế hoạch thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL;
7. Kế hoạch công tác tự kiểm tra văn bản QPPL;
8. Kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật;
9. Kế hoạch thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở;

9.1. Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ theo dõi quy định tại Nghị định số 61/2023/NĐ-CP của Chính phủ;

9.2. Kế hoạch thực hiện quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

9.3. Kế hoạch xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật;

9.4. Kế hoạch thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

(có các Kế hoạch chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tư pháp (b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Tân Phụng



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT NĂM 2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 31/12/2024
của UBND tỉnh Bắc Ninh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Tiếp tục thực hiện nghiêm, có chất lượng, hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) theo Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác PBGDPL, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, Nhân dân (Chỉ thị số 32-CT/TW); Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW (Kết luận 80-KL/TW); Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; Quyết định số 1521/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 80-KL/TW; Kế hoạch số 364/KH-UBND ngày 14/6/2020 của UBND tỉnh Thực hiện Kết luận số 80-KL/TW của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, Nhân dân trên địa bàn tỉnh; Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; chủ trương sắp xếp, tinh giản bộ máy; các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; các văn bản pháp luật của Trung ương và tỉnh.

1.2. Tiếp tục phát huy sự tham gia chủ động, tích cực của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân trong tìm hiểu pháp luật, xây dựng văn hóa pháp lý, lối sống theo pháp luật, tự giác thực hiện, ứng xử theo pháp luật.

1.3. Bảo đảm công khai, minh bạch thông tin liên quan đến pháp luật, quyền được thông tin và cơ hội tiếp cận thông tin liên quan đến pháp luật của Nhân dân. Nâng cao năng lực tiếp cận pháp luật của người dân và doanh nghiệp.

1.4. Đổi mới nội dung, đa dạng hóa các hình thức PBGDPL, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức tôn trọng và tự giác chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân.

1.5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin gắn với thực hiện chuyển đổi số trong công tác PBGDPL.

1.6. Bảo đảm kinh phí cho công tác PBGDPL, tăng cường bố trí kinh phí PBGDPL ở cấp xã.

2. Yêu cầu

2.1. Quá trình thực hiện phải bám sát nội dung, yêu cầu của Trung ương và tỉnh, các chương trình, kế hoạch liên quan đến công tác PBGDPL; Đảm bảo các hoạt động PBGDPL có trọng tâm, trọng điểm, có sự kết hợp, lồng ghép việc thực hiện các chương trình, đề án khác có liên quan, phù hợp đối tượng, địa bàn.

2.2. Phát huy vai trò của Hội đồng phối hợp PBGDPL các cấp (*Hội đồng*), các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã và các cơ quan, tổ chức liên quan trong chủ động thực hiện công tác PBGDPL theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Gắn kết công tác PBGDPL, công tác xây dựng thi hành và bảo vệ pháp luật, hoà giải ở cơ sở (*HGOCS*), trợ giúp pháp lý (*TGPL*), tư vấn pháp luật (*TVPL*), tiếp công dân, giải quyết các thủ tục hành chính, giải quyết khiếu nại, tố cáo...

2.3. Phát huy tinh thần trách nhiệm tự học tập, tìm hiểu và chấp hành pháp luật của công dân, doanh nghiệp; phát huy vai trò chủ động, tích cực, tính tự giác và trách nhiệm nêu gương của đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức đặc biệt của người đứng đầu trong học tập, nghiên cứu, tìm hiểu pháp luật, tuân thủ và chấp hành pháp luật.

2.4. Gắn việc PBGDPL với việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, các phong trào thi đua yêu nước, cuộc vận động của Trung ương và tỉnh.

2.5. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL, chuyển đổi số trong công tác PBGDPL; nhân rộng mô hình hay, cách làm hiệu quả.

2.6. Huy động sự tham gia, phối hợp tích cực của các cấp, các ngành, các đoàn thể và toàn thể Nhân dân trong hoạt động PBGDPL; khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội; bảo đảm kinh phí cho công tác PBGDPL.

2.7. Chỉ tiêu cụ thể:

- Đối với các Sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Phòng, ban, đoàn thể cấp huyện: Thường xuyên tổ chức các hoạt động PBGDPL trực tiếp cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, ít nhất 01 quý/1 lần.

- Đối với UBND cấp huyện: Tổ chức PBGDPL trực tiếp ở ít nhất 50% đơn vị cấp xã (Phòng Tư pháp cấp huyện phối hợp với UBND cấp xã tham mưu giúp UBND cấp huyện thực hiện).

- Đối với UBND cấp xã: Tổ chức PBGDPL trực tiếp ở ít nhất 50% đơn vị thôn, khu phố thuộc đơn vị cấp xã.

II. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG

1. Đối tượng

1.1. Cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang; người dân thành thị và nông thôn; phụ nữ; thanh thiếu niên; doanh nghiệp, người

sử dụng lao động, người lao động trong các doanh nghiệp, người nước ngoài cư trú trên địa bàn.

1.2. Các đối tượng đặc thù theo quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật.

2. Nội dung

2.1. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các Kế hoạch, Chương trình, Đề án công tác PBGDPL đã, đang và sẽ triển khai trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Trung ương và tỉnh (nếu có).

2.2. Tập trung phổ biến các văn bản pháp luật mới ban hành, chủ trương sắp xếp, tinh giản bộ máy, các văn bản liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người dân và doanh nghiệp; các văn bản hướng dẫn triển khai thi hành các văn bản pháp luật, các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh; các quy định liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, quyền và lợi ích hợp pháp của người dân và doanh nghiệp. Tiếp tục phổ biến, giới thiệu các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, các thỏa thuận quốc tế liên quan đến người dân, doanh nghiệp, các văn bản pháp luật của tỉnh về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, tư vấn, định hướng hỗ trợ khởi nghiệp.

2.3. Tiếp tục phổ biến, giới thiệu các văn bản pháp luật góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị tại địa phương năm 2025; công tác tiếp dân, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, công tác quản lý, sử dụng đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, kỷ cương hành chính, chính quyền số và dự thảo chính sách có tác động lớn đến xã hội, triển khai thực hiện Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ, triển khai thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư, cải cách hành chính, thủ tục hành chính, trật tự văn minh đô thị, vệ sinh môi trường, trật tự xây dựng và đô thị, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy chữa cháy, phòng, chống cháy nổ, an toàn giao thông, trật tự an toàn xã hội, xây dựng nếp sống văn hoá, phòng chống tội phạm, phòng chống tội phạm ma túy và tệ nạn xã hội, cải cách tư pháp và hoạt động tư pháp, phòng chống xâm hại phụ nữ, trẻ em...; Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan thuộc tỉnh, ứng xử khi tham gia môi trường mạng xã hội, quy tắc ứng xử trong gia đình, các vấn đề khác của xã hội được dư luận quan tâm hoặc cần định hướng dư luận xã hội.

2.4. Xây dựng và triển khai mô hình mới, có hiệu quả trong công tác PBGDPL.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Công tác PBGDPL

1.1. *Thực hiện Chương trình PBGDPL, Đề án, Kế hoạch về PBGDPL của Trung ương và tỉnh ban hành phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh và các địa phương, đơn vị.*

- Đơn vị chủ trì: Các đơn vị chủ trì thực hiện Đề án.

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025.

1.2. Tiếp tục tổ chức các hoạt động phổ biến Luật Đất đai 2024 theo Quyết định 433/QĐ-UBND ngày 23/04/2024 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch thực hiện công tác phổ biến Luật Đất đai số 31/2024/QH15 trên địa bàn tỉnh

- Nội dung: 12 chuyên đề của Luật Đất đai theo Kế hoạch (Tuỳ thuộc điều kiện cụ thể, các địa phương, đơn vị lựa chọn chuyên đề phù hợp, hiệu quả),

- Tổ chức phổ biến chuyên đề năm 2025: Đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong 12 chuyên đề của Luật Đất đai năm 2024 trực tiếp cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân tại cơ sở: 40 cuộc (mỗi huyện, thị xã, thành phố: 05 cuộc).

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp

- Cơ quan phối hợp thực hiện: Các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã.

1.3. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác PBGDPL.

1.3.1. Xây dựng Cổng Thông tin điện tử PBGDPL của tỉnh theo chỉ đạo của Trung ương, kết nối với Cổng Thông tin điện tử PBGDPL quốc gia theo hướng truy cập tập trung, liên thông, kết nối, lồng ghép, chia sẻ thông tin, tài liệu về PBGDPL trên môi trường mạng bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực đầu tư của nhà nước, tạo thuận lợi trong khai thác, trao đổi thông tin pháp luật giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân.

- Đơn vị chủ trì: Sở Thông tin và Truyền thông.

- Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025.

1.3.2. Khai thác, vận hành, sử dụng có hiệu quả Cổng Thông tin điện tử PBGDPL của tỉnh, Cổng/Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã; cung cấp thông tin theo quy định Luật Tiếp cận thông tin.

- Đơn vị chủ trì và thực hiện: Sở Tư pháp, các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND cấp huyện, Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Bắc Ninh và các cơ quan báo chí, truyền thông; các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025.

1.3.3. Duy trì thông qua banner gắn link liên kết đến Cổng Thông tin điện tử PBGDPL tỉnh; Cổng thông tin điện tử PBGDPL quốc gia địa chỉ: <https://pbgdpl.gov.vn/>;

- Đơn vị chủ trì: Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND cấp huyện.

- Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông và cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025.

1.3.4. Xây dựng các chương trình, sản phẩm, tài liệu, ấn phẩm PBGDPL để đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử PBGDPL tỉnh, Cổng/Trang thông tin điện tử của sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND cấp huyện.

- Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp, các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND cấp huyện.

- Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình, các cơ quan truyền thông và cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025.

1.3.5. Tổ chức đối thoại, giải đáp vướng mắc, phổ biến pháp luật trực tiếp, trực tuyến.

- Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp, các sở, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND cấp huyện.

- Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông và cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025.

1.3.6. Phổ biến pháp luật liên quan đến việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh theo xu hướng hiện đại trong khung giờ vàng trên Đài Phát thanh và Truyền hình và sóng phát thanh.

- Đơn vị chủ trì: Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh.

- Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông, cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025

1.3.7. Thí điểm mô hình mới về PBGDPL

1.3.7.1. Nghiên cứu, triển khai thí điểm mô hình mới PBGDPL.

- Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp

- Đơn vị phối hợp: Các tổ chức, cá nhân có liên quan

- Thời gian thực hiện: Năm 2025

1.3.7.2. Triển khai xây dựng bài giảng điện tử về PBGDPL

- Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp

- Đơn vị phối hợp: Các tổ chức, cá nhân có liên quan

- Thời gian thực hiện: Năm 2025

1.4. Đẩy mạnh PBGDPL trên các báo, Đài Phát thanh và truyền hình của Trung ương, tỉnh và mạng xã hội

1.4.1. Tăng thời lượng, nội dung phổ biến luật mới ban hành tại các chuyên trang, chuyên mục pháp luật của các báo, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh.

- Đơn vị chủ trì: Các cơ quan báo chí của tỉnh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh.

- Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và truyền thông, Sở Tư pháp, các cơ quan báo chí, truyền hình Trung ương, cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025.

1.4.2. Đa dạng hóa các hình thức PBGDPL khác trên mạng xã hội, các diễn đàn trực tuyến, mạng viễn thông, sóng phát thanh, truyền hình, mạng lưới thông tin cơ sở, cơ quan thông tin đại chúng.

- Đơn vị chủ trì: Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND cấp huyện, các cơ quan báo chí của tỉnh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh.

- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan báo chí, truyền hình Trung ương, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông, cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025.

1.4.3. Tổ chức PBGDPL trên sóng phát thanh truyền hình

- Đơn vị thực hiện: Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

- Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025.

1.5. Tiếp tục phổ biến pháp luật về Đề án số 06 của Thủ tướng Chính phủ

1.5.1. Tuyên truyền thực hiện dịch vụ công trực tuyến thuộc lĩnh vực ngành, đơn vị phụ trách trên Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị.

- Đơn vị chủ trì: Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- Đơn vị phối hợp: Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025.

1.5.2. Xây dựng video tuyên truyền quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến để tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội, Cổng/Trang thông tin điện tử của các đơn vị.

- Đơn vị chủ trì: Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- Đơn vị phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Nội vụ, các tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025.

1.6. PBGDPL cho các đối tượng đặc thù

1.6.1. Phổ biến pháp luật cho người dân nông thôn bằng nhiều hình thức phù hợp.

- Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Hội Nông dân tỉnh, Sở Tư pháp, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh.

- Đơn vị phối hợp: UBND cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025.

1.6.2. Phổ biến pháp luật cho người có hoàn cảnh khó khăn, người khuyết tật, người lao động trong các doanh nghiệp, nạn nhân bị bạo lực gia đình, người đang chấp hành hình phạt tù, người đang bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc, người đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, người bị phạt tù được hưởng án treo bằng các hình thức, nội dung phù hợp.

- Đơn vị chủ trì: Sở Lao động- Thương binh và Xã hội, Tỉnh đoàn, Công an tỉnh, UBND cấp huyện.

- Đơn vị phối hợp: Đoàn Luật sư, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Liên đoàn lao động tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025.

1.7. Thực hiện PBGDPL trong nhà trường

1.7.1. Nâng cao chất lượng việc giáo dục pháp luật trong nhà trường chú trọng giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông, pháp luật về phòng, chống ma túy, pháp luật về môi trường mạng, phòng chống xâm hại trẻ em, bạo lực học đường, phòng cháy, chữa cháy, an toàn thực phẩm, phòng, chống tác hại của thuốc lá, pháp luật về bảo vệ môi trường, Quy tắc ứng xử trong các cơ sở giáo dục, Quy tắc ứng xử nơi công cộng, ứng xử trên môi trường mạng, quy tắc ứng xử trong gia đình,....trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, trường chuyên biệt thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý bằng nhiều hình thức phù hợp; chú trọng đổi mới nội dung, hình thức giảng dạy, học tập môn Đạo đức, Giáo dục công dân theo xu hướng tiên tiến, hiện đại, cập nhật kiến thức phù hợp.

- Đơn vị chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp, các cơ quan, tổ chức có liên quan; UBND cấp huyện; các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý trên địa bàn tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025.

1.7.2. Đổi mới nội dung, hình thức giảng dạy, học tập môn Đạo đức, Giáo dục công dân, giáo dục pháp luật trong trường học

- Đơn vị chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo

- Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp, Sở Lao động-Thương Binh và Xã hội, các cơ quan, tổ chức có liên quan; UBND cấp huyện; các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý trên địa bàn tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025.

1.7.3. Tập huấn nâng cao kiến thức pháp luật, kỹ năng tổ chức hoạt động PBGDPL cho công chức, viên chức, giáo viên đảm nhiệm công tác PBGDPL của các Phòng Giáo dục và Đào tạo và cơ sở giáo dục.

- Đơn vị chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo

- Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp, Sở Lao động-Thương Binh và Xã hội, các cơ quan, tổ chức có liên quan; UBND cấp huyện; các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý trên địa bàn tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025.

1.7.4. Tập huấn nâng cao kiến thức pháp luật, kỹ năng cho đội ngũ giáo viên trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp; tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện công tác PBGDPL trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.

- Đơn vị chủ trì: Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.

- Đơn vị phối hợp: Sở Tư pháp, Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan, tổ chức có liên quan; UBND cấp huyện; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý trên địa bàn tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025.

1.8. Xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật: Tiếp tục thực hiện Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg ngày 13/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật trên địa bàn.

- Đơn vị thực hiện: Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025.

1.9. Phát hiện, nhân rộng, thực hiện mô hình, cách làm mới, sáng tạo, linh hoạt trong công tác PBGDPL.

- Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp, UBND cấp huyện.

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025

1.10. củng cố, kiện toàn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tuyên truyền cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật các cấp, đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật, cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ PBGDPL.

- Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp, UBND cấp huyện.

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025.

1.11. Tiếp tục thực hiện Quyết định số 407/QĐ-TTg ngày 30/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022-2027”

- Đơn vị chủ trì: Hội đồng tỉnh, Sở, ban, ngành tỉnh, các cơ quan được giao chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (Theo Kế hoạch số 365/KH-UBND ngày 07/7/2022 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Đề án 407 trên địa bàn tỉnh).

- Đơn vị phối hợp: Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025.

1.12. Tiếp tục thực hiện Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”

- Đơn vị chủ trì: Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND cấp huyện (Theo Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 05/6/2023 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân” trên địa bàn tỉnh).

- Đơn vị phối hợp: Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025.

1.13. Thực hiện xã hội hóa trong công tác PBGDPL

- Đơn vị chủ trì: Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND cấp huyện, cấp xã.

- Đơn vị phối hợp: Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025

1.14. Triển khai thực hiện “Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” (có Kế hoạch riêng)

1.15. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Trung ương và tỉnh về công tác PBGDPL.

2. Kiểm tra công tác PBGDPL (có Kế hoạch riêng)

- Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp – Cơ quan Thường trực của Hội đồng tỉnh.

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND cấp huyện được kiểm tra.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025

3. Tổng kết và khen thưởng công tác PBGDPL năm 2025 trên địa bàn tỉnh và thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Trung ương và tỉnh.

- Đơn vị chủ trì: UBND tỉnh, các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh, UBND cấp huyện.

- Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, tổ chức có liên quan.
- Thời gian thực hiện: Năm 2025

4. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện công tác PBGDPL trên địa bàn tỉnh từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tư pháp - Cơ quan thường trực Hội đồng tỉnh: Chủ trì tổ chức thực hiện nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND cấp huyện thực hiện Kế hoạch; Tham mưu triển khai Đề án thực hiện Chương trình PBGDPL theo chỉ đạo của Trung ương và tỉnh; Chủ trì các kế hoạch, Đề án được giao. Đôn đốc, phối hợp với các sở, ngành, đoàn thể tỉnh chủ trì thực hiện Đề án PBGDPL trên địa bàn; báo cáo công tác PBGDPL 6 tháng, 01 năm với Bộ Tư pháp, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, Hội đồng tỉnh; Thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

2. Sở Tài chính

Tham mưu trình cơ quan có thẩm quyền bố trí kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định.

Chủ trì phổ biến pháp luật về tài chính; ngân sách nhà nước; nợ chính quyền địa phương, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước; tài sản công; các quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước; đầu tư tài chính; tài chính doanh nghiệp; kế toán; kiểm toán độc lập; lĩnh vực giá và các hoạt động dịch vụ tài chính tại địa phương theo quy định của pháp luật.

3. Sở Thông tin và Truyền thông: Chủ trì thực hiện phổ biến pháp luật về báo chí, xuất bản, in, phát hành, phát thanh, truyền hình, thông tin điện tử, thông tin đối ngoại, thông tin cơ sở; bưu chính, viễn thông tần số vô tuyến điện; công nghiệp công nghệ thông tin; ứng dụng công nghệ thông tin; an toàn thông tin mạng; giao dịch điện tử, chuyển đổi số tại địa phương; Phối hợp Sở Tư pháp, các sở, ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông Trung ương và địa phương phối hợp thực hiện công tác PBGDPL, chỉ đạo hệ thống thông tin cơ sở phổ biến rộng rãi nội dung và công tác triển khai Kế hoạch; Chủ trì tham mưu xây dựng Cổng Thông tin điện tử PBGDPL của tỉnh theo Kế hoạch và chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh; Phối hợp với Sở Tư pháp trong đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL; chỉ đạo đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì tham mưu thực hiện công tác PBGDPL trong nhà trường theo quy định của Luật PBGDPL: Phổ biến pháp luật về an toàn giao thông, pháp luật về phòng, chống ma túy, phòng chống xâm hại trẻ em, bạo lực học đường, phòng cháy, chữa cháy, an toàn thực phẩm, phòng, chống tác hại của thuốc lá, pháp luật về bảo vệ môi trường, an ninh mạng, Quy tắc ứng xử trong

các cơ sở giáo dục, Quy tắc ứng xử nơi công cộng, Quy tắc ứng xử trên môi trường mạng...trong các cơ sở giáo dục bằng nhiều hình thức phù hợp; kết hợp gắn với kỹ năng sống cho học sinh về phòng, chống cháy nổ, xâm hại tình dục, phòng, chống thương tích. Xây dựng câu lạc bộ pháp luật trong trường học, ứng xử khi tham gia môi trường mạng xã hội cho học sinh, giáo viên...

5. Công an tỉnh: Chủ trì phổ biến pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, Bộ luật Hình sự, Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ, Luật Căn cước; Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, các văn bản luật liên quan đến chuyên ngành quản lý đến cán bộ, chiến sỹ và Nhân dân trên địa bàn, Đề án số 06 của Chính phủ về định danh điện tử, ứng dụng VNeID, pháp luật về cư trú. Đẩy mạnh phổ biến pháp luật trong lĩnh vực giao thông đường bộ, an ninh trật tự an toàn xã hội. Chú trọng phổ biến cho các đối tượng đặc thù là người vi phạm pháp luật theo quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, Kế hoạch về phổ biến, giáo dục pháp luật cho người đang chấp hành hình phạt tù, người bị áp dụng các biện pháp tư pháp hoặc các biện pháp xử lý hành chính, người mới ra tù hòa nhập cộng đồng, thanh thiếu niên vi phạm pháp luật, lang thang cơ nhỡ trên địa bàn tỉnh.

6. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh: Chủ trì phổ biến pháp luật về nghĩa vụ quân sự, pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính về quốc phòng, cơ yếu, Luật Sĩ quan quân đội nhân dân, Luật Dân quân tự vệ...

7. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội: Chủ trì phổ biến pháp luật về lao động, tiền lương và việc làm trong khu vực doanh nghiệp; giáo dục nghề nghiệp (trừ sư phạm); bảo hiểm xã hội; an toàn, vệ sinh lao động; người có công; bảo trợ xã hội; trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội; Tăng cường tuyên truyền Luật Phòng, chống ma túy; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) trong các Trung tâm chữa bệnh và cai nghiện ma túy và tại các địa phương; Phối hợp Sở Tư pháp, các cơ quan liên quan phổ biến cho đối tượng đặc thù theo quy định của Luật PBGDPL thuộc thẩm quyền quản lý.

8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì phổ biến pháp luật về nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy sản; phân bón; thủy lợi; phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; chất lượng an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; về các dịch vụ công thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định pháp luật. Chính sách xây dựng nông thôn mới trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn... cho người dân nông thôn. Lồng ghép phổ biến, giáo dục pháp luật trong phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới.

9. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì phổ biến pháp luật về quy hoạch, kế hoạch và đầu tư phát triển, gồm: quy hoạch; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; kế hoạch đầu tư công; đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài ở địa phương; quản lý nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); đấu thầu; đăng ký kinh doanh trong phạm vi địa phương; tổng hợp và thống nhất quản lý các vấn đề về doanh nghiệp, kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế tư nhân, hộ gia đình và tổ chức kinh tế khác.

10. Thanh tra tỉnh: Chủ trì phổ biến pháp luật về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

11. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì phổ biến pháp luật về tài nguyên và môi trường gồm: Đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ.

12. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì phổ biến pháp luật về văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch và quảng cáo (trừ quảng cáo trên báo chí, trên môi trường mạng, trên xuất bản phẩm và quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin) ở địa phương theo quy định của pháp luật.

13. Sở Y tế: Chủ trì phổ biến pháp luật về y tế, gồm các lĩnh vực: Y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh; phục hồi chức năng; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; y, dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; bảo hiểm y tế; dân số

14. Sở Nội vụ: Chủ trì phổ biến pháp luật về nội vụ, gồm: tổ chức bộ máy; biên chế các cơ quan hành chính, sự nghiệp nhà nước; cải cách hành chính; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; tổ chức hội, tổ chức phi Chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước; tôn giáo; thi đua - khen thưởng.

15. Sở Công Thương: Chủ trì phổ biến pháp luật về công thương, bao gồm các ngành và lĩnh vực: Cơ khí; luyện kim; điện; năng lượng mới; năng lượng tái tạo; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoá chất; vật liệu nổ công nghiệp; công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản (trừ vật liệu xây dựng thông thường); công nghiệp tiêu dùng; công nghiệp thực phẩm; công nghiệp hỗ trợ; công nghiệp môi trường; công nghiệp chế biến khác; tiểu thủ công nghiệp; khuyến công; hoạt động thương mại và lưu thông hàng hoá trên địa bàn; sản xuất và tiêu dùng bền vững; xuất khẩu, nhập khẩu; xúc tiến thương mại; thương mại điện tử; dịch vụ thương mại; quản lý cạnh tranh; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp; phòng vệ thương mại; hội nhập kinh tế quốc tế; quản lý cụm công nghiệp.

16. Sở Xây dựng: Chủ trì phổ biến pháp luật về xây dựng, gồm: Quy hoạch xây dựng; kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật; nhà ở; công sở; thị trường bất động sản; vật liệu xây dựng.

17. Sở Giao thông vận tải: Chủ trì phổ biến pháp luật về giao thông vận tải, gồm: Giao thông đường bộ, đường thủy nội địa; vận tải; an toàn giao thông.

18. Sở Khoa học và công nghệ: Chủ trì phổ biến pháp luật về khoa học và công nghệ bao gồm: hoạt động khoa học và công nghệ; phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; sở hữu trí tuệ, ứng dụng bức xạ và đồng vị bức xạ; an toàn bức xạ và hạt nhân.

19. Ban Quản lý các khu công nghiệp Bắc Ninh: Chủ trì phổ biến các văn bản pháp luật cho công nhân, doanh nghiệp thuộc Ban Quản lý khu công

nghiệp về định danh điện tử, ứng dụng VNeID, tài khoản trên Cổng dịch vụ công và thực hiện dịch vụ công trực tuyến, pháp luật phòng cháy, chữa cháy; những văn bản pháp luật liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động, doanh nghiệp...

20. Ban Quản lý an toàn thực phẩm tỉnh: Chủ trì phổ biến pháp luật về vệ sinh, an toàn thực phẩm và pháp luật có liên quan

21. Các cơ quan báo chí, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh: Tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng các chuyên trang, chuyên mục PBGDPL; tăng thời lượng phát thanh, truyền hình để phổ biến các văn bản pháp luật mới ban hành có liên quan đến đời sống nhân dân; chú trọng các văn bản pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân và doanh nghiệp đã được Quốc hội thông qua; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh phối hợp với các cơ quan chủ trì xây dựng văn bản QPPL thực hiện truyền thông chính sách trong quá trình xây dựng văn bản QPPL; Phổ biến pháp luật trên sóng phát thanh và trên truyền hình; chú trọng đa dạng hóa theo xu hướng hiện đại các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật trong các khung giờ khác nhau đặc biệt là vào khung giờ vàng.

22. Đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy: Chỉ đạo cơ quan báo chí, Ban Tuyên giáo cấp huyện tăng cường tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và các văn bản pháp luật của Nhà nước đã được Quốc hội ban hành liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của công dân và doanh nghiệp, các văn bản pháp luật được Quốc hội thông qua năm 2023, 2024, Đề án số 06, dịch vụ công trực tuyến và các nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh; Thường xuyên định hướng công tác thông tin tuyên truyền PBGDPL, bồi dưỡng đội ngũ báo cáo viên; bồi dưỡng nâng cao chất lượng tin bài của đội ngũ phóng viên, biên tập viên, cộng tác viên viết về pháp luật. Định kỳ hàng tháng, định hướng thông tin PBGDPL trên các phương tiện thông tin đại chúng.

23. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Tỉnh đoàn, Liên đoàn lao động tỉnh, Hội Luật gia tỉnh, Đoàn Luật sư tỉnh, Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh: Phổ biến các văn bản pháp luật mới ban hành cho hội viên, đoàn viên trực thuộc, đặc biệt đến người dân ở cơ sở bằng các hình thức phù hợp; tích cực phối hợp với các sở, ngành đoàn thể tỉnh triển khai thực hiện Chương trình, Kế hoạch PBGDPL năm 2025 của tỉnh và những Đề án, Chương trình PBGDPL do đơn vị mình chủ trì, nhân rộng mô hình hay, cách làm sáng tạo, có hiệu quả trong công tác PBGDPL ở cơ sở.

24. Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh: Xây dựng kế hoạch tăng cường phổ biến pháp luật về cải cách tư pháp, PBGDPL thông qua các hoạt động truy tố, xét xử, thi hành án, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của Nhân dân; xét xử lưu động. Thường xuyên thông tin về hoạt động truy tố, xét xử, thi hành án trên địa bàn trên Cổng/Trang thông tin điện tử, qua hệ thống phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức khác; Kết hợp PBGDPL cùng với việc xử lý nghiêm, kịp thời đối với cá nhân, tổ chức thực

hiện hành vi vi phạm pháp luật đặc biệt là các vụ án phức tạp, tham nhũng; góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân; Thường xuyên tổ chức tập huấn chuyên sâu các văn bản pháp luật về tư pháp cho cán bộ, công chức, viên chức ngành như: Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Bộ luật Tố tụng Hành chính, Luật Phòng, chống tham nhũng,...

25. Cục Thuế tỉnh: Chủ trì tăng cường phổ biến pháp luật về thuế, pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính về thuế trên địa bàn.

26. UBND cấp huyện

26.1. Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch PBGDPL năm 2025; chú trọng các Luật mới ban hành có liên quan đến đời sống Nhân dân, Đề án số 06, Luật Đất đai năm 2024, các nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh về công tác PBGDPL; tiếp tục triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án PBGDPL phù hợp với tình hình, đặc điểm và điều kiện cụ thể của địa phương; những vấn đề xã hội được dư luận quan tâm hoặc cần định hướng dư luận xã hội nhằm nâng cao nhận thức và giáo dục văn hóa ứng xử, lối sống thượng tôn pháp luật, ý thức tự giác chấp hành pháp luật của Nhân dân trên địa bàn.

26.2. Lựa chọn các nội dung và hình thức PBGDPL phù hợp với đối tượng, địa bàn để công tác PBGDPL đi vào chiều sâu, đạt hiệu quả thiết thực. Chú trọng nhân rộng những mô hình có hiệu quả trong công tác PBGDPL đặc biệt là những mô hình mới, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL.

26.3. Chủ động bố trí kinh phí đảm bảo triển khai thực hiện công tác PBGDPL và chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện bố trí kinh phí đảm bảo triển khai các công tác này. Tăng cường bố trí kinh phí PBGDPL ở cấp xã trên địa bàn.

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương căn cứ Kế hoạch này xây dựng Kế hoạch tại đơn vị, địa phương mình; tổ chức triển khai Kế hoạch đảm bảo đúng tiến độ và hiệu quả; báo cáo kết quả 06 tháng, 01 năm gửi Sở Tư pháp - Cơ quan Thường trực của Hội đồng tỉnh để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Tư pháp theo quy định./.



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Thực hiện công tác tự kiểm tra và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật
năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 829 /QĐ-UBND ngày 31 / 12 / 2024
của UBND tỉnh Bắc Ninh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Việc tự kiểm tra và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) nhằm phát hiện những văn bản có nội dung trái pháp luật, không có tính khả thi hoặc không còn phù hợp với tình hình thực tiễn ở địa phương để kịp thời kiến nghị đình chỉ thi hành, hủy bỏ, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Qua đó, xác định trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, cá nhân trong công tác soạn thảo, ban hành văn bản trái pháp luật.

2. Yêu cầu

Công tác tự kiểm tra và kiểm tra văn bản QPPL phải được tiến hành thường xuyên, kịp thời, khách quan, công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan, người có thẩm quyền trong việc tự kiểm tra, kiểm tra văn bản QPPL.

II. NỘI DUNG KIỂM TRA KẾ HOẠCH

1. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác kiểm tra văn bản QPPL

Nâng cao chất lượng cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra văn bản tại địa phương và các điều kiện đảm bảo hoạt động kiểm tra có hiệu quả, bao gồm: việc bố trí cán bộ, công chức và đội ngũ cộng tác viên làm công tác kiểm tra văn bản; các điều kiện về cơ sở vật chất, phương tiện làm việc và kinh phí phục vụ cho công tác kiểm tra văn bản; tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra văn bản, tổ chức mạng lưới thông tin, xây dựng và quản lý hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc kiểm tra văn bản.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra văn bản hàng năm ở địa phương; sơ kết, tổng kết về công tác kiểm tra văn bản và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

2. Công tác tự kiểm tra và kiểm tra văn bản QPPL theo thẩm quyền

Thường xuyên tổ chức kiểm tra các văn bản QPPL do HĐND, UBND cấp huyện gửi về cơ quan kiểm tra (Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp) theo quy định.

Đảm bảo trong năm tự kiểm tra và kiểm tra đối với 100% văn bản QPPL do UBND tỉnh, UBND cấp huyện ban hành; các văn bản có chứa QPPL nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản QPPL, văn bản có chứa QPPL hoặc có thể thức như văn bản QPPL do cơ quan, người không có thẩm quyền ban hành được kiểm tra theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

Tiến hành kiểm tra theo kế hoạch công tác tư pháp, pháp chế của các cơ quan, đơn vị. Trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra theo chuyên đề.

Nội dung kiểm tra văn bản thực hiện theo quy định tại Điều 104 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

Cơ quan thực hiện: Các Sở, ban, ngành; UBND huyện, thị xã, thành phố.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm 2025.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Thực hiện theo Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND tỉnh Bắc Ninh về việc quy định cụ thể mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; các văn bản pháp luật khác có liên quan.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tư pháp

a) Làm đầu mối của UBND tỉnh thường xuyên thực hiện việc tự kiểm tra các văn bản QPPL do UBND tỉnh ban hành và kiểm tra văn bản QPPL của HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố ban hành trong năm. Định kỳ tổng hợp báo cáo kết quả cho UBND tỉnh, Bộ Tư pháp theo quy định.

b) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện các nội dung của Kế hoạch, kịp thời báo cáo UBND tỉnh tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc.

2. Các Sở, ban, ngành

a) Giám đốc các Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành thường xuyên tổ chức tự kiểm tra văn bản QPPL thuộc lĩnh vực quản lý của ngành (bao gồm văn bản do ngành tham mưu trình UBND, HĐND tỉnh ban hành và văn bản có chứa QPPL do Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh ban hành). Định kỳ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả công tác tự kiểm tra văn bản (thông qua Sở Tư pháp).

b) Kịp thời cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết và phối hợp với Sở Tư pháp trong việc tự kiểm văn bản QPPL do UBND tỉnh ban hành, văn bản có chứa QPPL do thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh ban hành.

c) Sở Tài chính bố trí kinh phí cho Sở Tư pháp và Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan phục vụ công tác kiểm tra văn bản QPPL và hướng dẫn chi, quyết toán theo quy định hiện hành.

3. UBND huyện, thị xã, thành phố

a) Trên cơ sở Kế hoạch này, UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch cụ thể thực hiện công tác kiểm tra văn bản QPPL tại địa phương.

b) Thường xuyên chỉ đạo, thực hiện công tác tự kiểm tra và kiểm tra văn bản QPPL theo thẩm quyền; định kỳ báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp).

c) Phối hợp Đoàn kiểm tra của tỉnh thực hiện nhiệm vụ; cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết và giải trình về nội dung văn bản được kiểm tra theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra. Khi nhận được Thông báo kết luận của Đoàn kiểm tra, UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và Giám đốc Sở Tư pháp về việc xử lý các nội dung theo Thông báo kết luận đảm bảo thời gian theo quy định.

d) Thực hiện nghiêm túc việc gửi văn bản QPPL do HĐND, UBND cấp huyện ban hành về Sở Tư pháp để kiểm tra theo quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, ban, ngành, địa phương phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật
năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 829 /QĐ-UBND ngày 31 /12/2024
của UBND tỉnh Bắc Ninh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai toàn diện, có hiệu quả công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật nhằm phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp;

Lập các danh mục tổng hợp văn bản; danh mục văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực; danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ; danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần; danh mục văn bản quy phạm pháp luật cần đình chỉ việc thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới; công bố kết quả hệ thống hóa văn bản theo quy định.

Hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và xây dựng cơ sở dữ liệu rà soát, hệ thống hóa.

Tiếp tục nâng cao hơn nữa nhận thức của các Sở, ban, ngành; HĐND và UBND các cấp về tầm quan trọng của công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

2. Yêu cầu

Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

Việc triển khai kế hoạch phải được các Sở, ban, ngành tỉnh quan tâm tổ chức thực hiện nghiêm túc, đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng, hiệu quả tránh hình thức.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Đối tượng, phạm vi rà soát

a) Tất cả các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành từ trước đến thời điểm rà soát còn hiệu lực thi hành.

b) Các văn bản có chứa quy phạm pháp luật (Nghị quyết, Quyết định, Quy định, Quy chế,...) do HĐND, UBND tỉnh ban hành nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực thi hành.

2. Phương thức rà soát, thời gian thực hiện và báo cáo kết quả

a) Thu thập, tập hợp, phân loại văn bản

Các Sở, ban, ngành của tỉnh có trách nhiệm tập hợp toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành và các văn bản có chứa quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh ban hành nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực thi hành điều chỉnh những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Sở, ban, ngành mình quản lý; phân loại văn bản theo hình thức văn bản, lĩnh vực, sắp xếp theo thứ tự thời gian ban hành.

- Cơ quan thực hiện: Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh, Ban Pháp chế HĐND tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Quý IV năm 2025.

b) Đối chiếu, so sánh văn bản

Đối chiếu, so sánh các quy định trong văn bản đã được tập hợp với các quy định hiện hành có hiệu lực pháp lý cao hơn; đánh giá sự phù hợp của văn bản với điều kiện kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Qua đó kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới văn bản.

- Cơ quan thực hiện: Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp, Ban Pháp chế HĐND tỉnh.

- Thời hạn hoàn thành: Quý IV năm 2025.

c) Lập danh mục

- Tổng danh mục văn bản (bao gồm toàn bộ các văn bản được đưa ra rà soát, được sắp xếp theo những tiêu chí nhất định như: Hình thức, lĩnh vực, thời gian ban hành văn bản, thứ bậc hiệu lực...);

- Danh mục văn bản còn hiệu lực thi hành;

- Danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ, ngưng hiệu lực một phần (thông qua rà soát xác định được hết hiệu lực, trong đó nêu rõ lý do hết hiệu lực, thời điểm hết hiệu lực);

- Danh mục văn bản cần đình chỉ việc thi hành, ngưng hiệu lực, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới (cần nêu rõ lý do);

(Các biểu mẫu được quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ).

- Cơ quan thực hiện: Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh.
- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp
- Thời hạn hoàn thành: Theo quy định.

d) Xử lý kết quả rà soát

Trên cơ sở kết quả rà soát của các Sở, ban, ngành đề trình UBND tỉnh xem xét xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị HĐND tỉnh xử lý các văn bản không phù hợp.

- Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp
- Cơ quan phối hợp: các Sở, ban, ngành, Văn phòng UBND tỉnh; Ban Pháp chế HĐND tỉnh.
- Thời hạn thực hiện: Theo quy định.

đ) Hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

Trên cơ sở kết quả tổng rà soát văn bản, xử lý kết quả rà soát; tiến hành hệ thống hóa, trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố kết quả rà soát, hệ thống hóa.

- Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp.
- Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh.
- Thời hạn hoàn thành: Quý IV năm 2025.

e) Cập nhật hệ cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật

Sau khi hệ thống hóa sẽ tiến hành xây dựng và cập nhật các nội dung theo quy định vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật làm cơ sở pháp lý phục vụ cho việc tra cứu; kiểm tra, xử lý văn bản theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ.

- Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp
- Cơ quan phối hợp: Cục Công nghệ thông tin, Bộ Tư pháp
- Thời hạn thực hiện: Thường xuyên trong năm 2025.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Thực hiện theo Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND tỉnh Bắc Ninh về việc quy định cụ thể mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; các văn bản pháp luật khác có liên quan.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị Thường trực HĐND tỉnh

Chỉ đạo Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Ban pháp chế phối hợp và tạo điều kiện để các Sở, ban, ngành tập hợp các văn bản do HĐND tỉnh ban hành thuộc đối tượng rà soát.

2. Sở Tư pháp

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo nội dung, tiến độ;

b) Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các sở, ban, ngành trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch;

c) Tổng hợp kết quả rà soát văn bản do HĐND, UBND tỉnh ban hành từ trước đến thời điểm rà soát còn hiệu lực thi hành trình UBND tỉnh xử lý các văn bản thuộc thẩm quyền đối với các văn bản không phù hợp trước ngày 31/12/2025 và trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố kết quả hệ thống hóa văn bản;

d) Lập dự toán kinh phí thực hiện gửi Sở Tài chính thẩm định.

3. Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh

a) Tại mỗi Sở, ban, ngành thành lập tổ rà soát văn bản do HĐND, UBND tỉnh ban hành từ trước đến thời điểm rà soát còn hiệu lực thi hành thuộc lĩnh vực ngành mình quản lý do một đồng chí Lãnh đạo làm tổ trưởng, thành viên là các công chức của phòng chuyên môn nghiệp vụ.

b) Tổ rà soát có trách nhiệm rà soát các văn bản thuộc lĩnh vực ngành mình quản lý, tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa và lập các danh mục văn bản theo nội dung tại Mục II của Kế hoạch này; xây dựng báo cáo kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc ngành mình quản lý gửi bằng văn bản về Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

4. Văn phòng UBND tỉnh

Phối hợp và tạo điều kiện để các Sở, ban, ngành tỉnh tập hợp các văn bản do UBND tỉnh ban hành thuộc đối tượng rà soát.

5. Sở Tài chính

Thẩm định dự toán kinh phí thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản trình UBND tỉnh phê duyệt.

6. UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản do HĐND, UBND cấp mình ban hành; chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản do HĐND, UBND cấp xã ban hành theo quy định.

b) Thường xuyên tổ chức rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND cấp mình ban hành. Định kỳ báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản theo quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, ban, ngành, địa phương phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Thực hiện công tác pháp chế năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 829 /QĐ-UBND ngày 31 /12 /2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động pháp chế các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, doanh nghiệp nhà nước do UBND tỉnh quản lý, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế, Nghị định số 56/2024/NĐ-CP ngày 18/5/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP.

2. Yêu cầu

Gắn kết chặt chẽ việc thực hiện Nghị định 55/2011/NĐ-CP, Nghị định số 56/2024/NĐ-CP của Chính phủ với các chương trình, kế hoạch của tỉnh. Đảm bảo hiệu lực, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với công tác pháp chế ở các Sở, ngành thuộc UBND tỉnh và các doanh nghiệp nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Tiếp tục quan tâm, bố trí người làm công tác pháp chế

Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh sắp xếp, bố trí người làm công tác pháp chế theo quy định. Lập danh sách người làm công tác pháp chế gửi về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định. Thực hiện tốt Văn bản số 4093/UBND-NC ngày 24/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về triển khai thực hiện một số nội dung của Nghị định số 56/2024/NĐ-CP và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP.

Thời gian thực hiện: Trong năm 2025.

Chú ý: Theo khoản 4 Điều 4 Nghị định số 56/2024/NĐ-CP: “Trong vòng 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực (ngày 02/7/2024), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, sử dụng công chức thực hiện công tác pháp chế có trách nhiệm rà soát, xét chuyển ngạch cho công chức thực hiện công tác pháp chế sang ngạch pháp chế viên tương ứng theo quy định của pháp luật về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức. Khi thực hiện việc chuyển ngạch, công chức thực hiện công tác pháp chế đã được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên hoặc tương đương, có trình độ cử nhân luật trở lên và có ít nhất 02 (hai) năm được tính cộng dồn làm công tác pháp chế không kể thời gian tập sự được xét chuyển

sang ngạch pháp chế viên; công chức thực hiện công tác pháp chế đã được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp hoặc tương đương và có trình độ cử nhân luật trở lên được xét chuyển sang ngạch pháp chế viên chính, pháp chế viên cao cấp". Các cơ quan, đơn vị cần lưu ý nghiên cứu, đề xuất thực hiện nội dung này.

Thực hiện tốt chế độ hỗ trợ, đãi ngộ đối với người làm công tác pháp chế theo quy định.

2. Tổ chức rà soát văn bản về công tác pháp chế

Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các doanh nghiệp nhà nước do UBND tỉnh quản lý tổ chức rà soát các văn bản do mình ban hành hoặc tham mưu ban hành có liên quan đến công tác pháp chế, kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp với các văn bản hiện hành về công tác pháp chế.

Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp

Cơ quan phối hợp: Các Sở, ngành thuộc UBND tỉnh.

Thời gian thực hiện: Trong năm 2025.

3. Chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ công tác pháp chế

Các Sở, ngành thuộc UBND tỉnh, các doanh nghiệp Nhà nước trên địa bàn tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ công tác pháp chế theo quy định tại Nghị định số 55/2011/NĐ-CP và Nghị định số 56/2024/NĐ-CP của Chính phủ; các chương trình, kế hoạch chỉ đạo của bộ, ngành Trung ương và UBND tỉnh. Định kỳ báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Tư pháp) về kết quả công tác pháp chế.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm 2025.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm thực hiện

Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai các hoạt động đúng thời hạn được nêu trong Kế hoạch.

Các Sở, ngành thuộc UBND tỉnh, các doanh nghiệp Nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc thực hiện Kế hoạch này; tăng cường công tác chỉ đạo, thực hiện công tác pháp chế trên các lĩnh vực theo quy định.

Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan giúp Chủ tịch UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch.

2. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí khác (nếu có).

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công tác pháp chế năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc, cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết ./.



KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện công tác bồi thường Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 829 /QĐ-UBND ngày 31/12/2024
của UBND tỉnh Bắc Ninh)

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

Tiếp tục triển khai thực hiện các quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành; Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng và thi hành án trên địa bàn tỉnh theo chức năng, thẩm quyền được giao.

2. Yêu cầu

- Công tác triển khai thực hiện các nhiệm vụ cần được tổ chức kịp thời, đạt hiệu quả; Chế độ báo cáo, thống kê đảm bảo tính trung thực, khách quan, rõ ràng và đúng thời hạn.

- Đảm bảo sự phối hợp đồng bộ, thống nhất giữa các cơ quan liên quan trong việc triển khai thực hiện công tác bồi thường nhà nước cũng như công tác giải quyết bồi thường khi phát sinh vụ việc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị thiệt hại do trách nhiệm của cơ quan nhà nước.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Nâng cao chất lượng công tác phổ biến, quán triệt pháp luật về trách nhiệm bồi thường của nhà nước, lựa chọn các quy định của Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành để phổ biến, quán triệt phù hợp với từng đối tượng, từng ngành, lĩnh vực, địa phương; linh hoạt áp dụng các hình thức phổ biến, quán triệt, chú trọng phổ biến, quán triệt những văn bản mới để bảo đảm tính thiết thực, hiệu quả.

- Đối với đối tượng là cán bộ, công chức: Cần kết hợp việc quán triệt nội dung quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước với việc nâng cao tinh thần trách nhiệm công vụ, đặc biệt là việc thực hiện các quy định của pháp luật về chức trách của công chức, cần nhận thức đầy đủ về những hành vi, quyết định hành chính được quy định trong luật mà việc thực hiện các hành vi hay quyết định này có thể dẫn đến trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

- Đối với nhân dân: Đẩy mạnh việc tuyên truyền pháp luật về bồi thường nhà nước đến các tầng lớp nhân dân thông qua các hình thức phù hợp như qua các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống đài truyền thanh cơ sở..., để người dân nắm rõ quyền và nghĩa vụ của mình trong mối quan hệ với nhà nước.

2. Công tác tập huấn nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước.

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ giải quyết bồi thường theo chuyên đề hoặc lồng ghép trong các hội nghị của ngành, địa phương nhằm trang bị kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ làm công tác bồi thường nhà nước, đảm bảo giải quyết các vụ việc bồi thường phát sinh theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

3. Tổ chức thực hiện các nội dung của Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành: Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019 của Bộ Tư pháp quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước, Thông tư 09/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019 của Bộ Tư pháp quy định biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước, Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước.

- Bố trí, kiện toàn đội ngũ công chức làm công tác bồi thường nhà nước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Nghiêm túc thực hiện trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong công tác bồi thường khi xảy ra vụ việc yêu cầu bồi thường: Tiếp nhận, thụ lý yêu cầu bồi thường; Xác minh thiệt hại; Tiến hành thương lượng, đối thoại, hòa giải trong quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường; Ra bản án, quyết định về giải quyết yêu cầu bồi thường, tổ chức thực hiện hoặc yêu cầu cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại thực hiện bản án, quyết định đó; Xác định trách nhiệm hoàn trả hoặc yêu cầu cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại xác định trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ gây thiệt hại và thu tiền hoàn trả theo quy định; Xem xét, xử lý kỷ luật theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý kỷ luật người thi hành công vụ gây thiệt hại...

- Đánh giá việc thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước và tham gia giải quyết yêu cầu bồi thường theo Quyết định số 3062/QĐ-BTP ngày 11/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về Bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện công tác bồi thường nhà nước. Thời điểm lấy thông tin, số liệu để thực hiện việc đánh giá, chấm điểm được tính từ ngày 01/01 đến ngày 31/10 của năm. Thực hiện việc đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện công tác bồi thường nhà nước và xây dựng Báo cáo về việc thực hiện đánh giá, chấm điểm theo mẫu

tại Phụ lục I và tham khảo Phụ lục II của Bộ tiêu chí ban hành kèm theo Quyết định số 3062/QĐ-BTP ngày 11/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ: Hàng năm các Sở, Ban, Ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thống kê, tổng kết, đánh giá việc thực hiện công tác bồi thường trong phạm vi quản lý, gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) để tổng hợp báo cáo. Số liệu thống kê được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo.

Trường hợp theo yêu cầu của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thống kê việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh để Bộ Tư pháp tổng hợp, trình Chính phủ báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Việc thống kê số liệu về công tác bồi thường nhà nước được thực hiện theo yêu cầu của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Bộ Tư pháp.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện trách nhiệm bồi thường của nhà nước và kinh phí thực hiện công tác quản lý nhà nước về bồi thường do ngân sách nhà nước bảo đảm trong dự toán kinh phí chi hoạt động của cơ quan, tổ chức thực hiện việc quản lý hoặc giải quyết bồi thường nhà nước theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bồi thường thiệt hại của Nhà nước theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư pháp kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này.

2. Các Sở, Ban, Ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên cơ sở kế hoạch này xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện tại đơn vị mình và báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Tư pháp; Tiến hành giải quyết bồi thường thiệt hại cho người bị thiệt hại do hành vi trái pháp luật của cán bộ, công chức đơn vị mình gây ra trong khi thi hành công vụ;

3. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng kịp thời đưa tin, bài, tăng thời lượng phát sóng, tổ chức các chuyên mục giới thiệu, tuyên truyền Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4. Sở Nội vụ trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xử lý trách nhiệm đối với cán bộ, công chức có hành vi trái pháp luật gây thiệt hại trong khi thi hành công vụ. Đề xuất các giải pháp nâng cao trách nhiệm công vụ của cán bộ, công chức nhằm hạn chế các hành vi trái pháp luật gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

5. Sở Tài chính căn cứ hướng dẫn của Bộ Tài chính phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý và sử dụng

kinh phí từ ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về bồi thường và công tác giải quyết bồi thường.

6. Công an tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Toà án nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự phối hợp với cơ quan liên quan thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước theo thẩm quyền; tổ chức tuyên truyền các văn bản pháp luật về bồi thường trong hoạt động tố tụng hình sự, thi hành án dân sự, thi hành án hình sự; Xây dựng kế hoạch cụ thể, tổ chức hội nghị và các lớp tập huấn văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành về kỹ năng, nghiệp vụ giải quyết bồi thường cho các cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ trong hoạt động tố tụng theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tổ chức tuyên truyền sâu rộng các quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đến cán bộ, công chức, viên chức, hội viên các hội, đoàn thể và đông đảo quần chúng nhân dân; tham gia giám sát chặt chẽ hoạt động của các cơ quan nhà nước./.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

**Thực hiện quản lý nhà nước về công tác hỗ trợ tư pháp
trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 31/12/2024
của UBND tỉnh Bắc Ninh)*

Triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định pháp luật trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, bảo đảm hài hòa giữa công tác quản lý nhà nước và xã hội hóa trong các lĩnh vực hỗ trợ tư pháp theo tinh thần cải cách tư pháp của Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết 49-NQ/TW; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “Về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới”. UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Kế hoạch thực hiện quản lý nhà nước về công tác hỗ trợ tư pháp trên địa bàn tỉnh năm 2025 với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Thực hiện có hiệu quả Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết 49-NQ/TW; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “Về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới”;

b) Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kết luận số 69-KL/TW ngày 24/02/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức hoạt động của luật sư và các văn bản pháp luật về luật sư, tư vấn pháp luật; Kết luận số 209-KL/TU ngày 09/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Ninh về việc triển khai và thực hiện Kết luận số 69-KL/TW ngày 24/02/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động luật sư;

c) Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các văn bản pháp luật về công chứng. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 172/NQ-CP ngày 19/11/2020 của Chính phủ về chính sách phát triển nghề công chứng; Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của UBND tỉnh ban hành Đề án tăng cường quản lý Nhà nước trong hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh nhằm đưa hoạt động quản lý Nhà nước về công chứng đi vào nề nếp.

Phát huy vai trò của Hội Công chứng viên tỉnh, xây dựng mạng lưới các tổ chức hành nghề công chứng ngày càng chuyên nghiệp, hiện đại, góp phần thúc đẩy các quan hệ, giao dịch dân sự, kinh tế, thương mại trên địa bàn tỉnh;

d) Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 250/QĐ-TTg ngày 28/02/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp. Phát huy trách nhiệm của Thủ trưởng các ngành, tổ chức có liên quan nhằm thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước đối với lĩnh vực giám định tư pháp theo quy định của pháp luật. Củng cố và phát triển đội ngũ người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp đủ về số lượng, đạt tiêu chuẩn về chất lượng đáp ứng được yêu cầu của tổ chức trung cầu giám định, người yêu cầu giám định, góp phần giải quyết các vụ việc dân sự, vụ án hình sự, hành chính trên địa bàn tỉnh được kịp thời, công bằng, khách quan và chính xác;

đ) Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Đấu giá tài sản, Chỉ thị số 40/CT-TTg ngày 02/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động đấu giá tài sản (sau đây gọi là Chỉ thị số 40/CT-TTg); Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 30/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với hoạt động đấu giá tài sản và kinh doanh bất động sản. Nâng cao tính chuyên môn, chuyên nghiệp của hoạt động đấu giá tài sản, đáp ứng yêu cầu xử lý tài sản của tổ chức, cá nhân; nâng cao tính công khai, minh bạch, hiệu quả trong việc xử lý tài sản, đặc biệt là tài sản công;

e) Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động Thừa phát lại. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về lĩnh vực Thừa phát lại, đưa hoạt động Thừa phát lại đi vào hoạt động ổn định và đạt hiệu quả. Huy động các nguồn lực xã hội tham gia xây dựng và thực hiện chế định Thừa phát lại nhằm giảm áp lực công việc, giảm chi tiêu cho ngân sách nhà nước và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp mà trực tiếp là Tòa án và Cơ quan THA dân sự trên địa bàn tỉnh;

h) Triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Trọng tài thương mại và các Nghị định có liên quan; Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại; Luật Phá sản và Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

2. Yêu cầu

a) Đảm bảo thực hiện có hiệu quả những nội dung đã được nêu trong Kế hoạch; các hoạt động đề ra phải phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, của Ngành Tư pháp;

b) Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc tuyên truyền, phối hợp và hỗ trợ cho các hoạt động để tổ chức thực hiện Kế hoạch;

c) Tăng cường tính chủ động của từng cơ quan, đơn vị; kịp thời hướng dẫn và tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao, bảo đảm chất lượng và tiến độ;

d) Bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với đặc điểm tình hình thực tế, kế thừa và phát huy tối đa nguồn lực hiện có của cơ quan, đơn vị, địa phương.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Lĩnh vực quản lý công chứng

a) Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Công chứng năm 2024 (có hiệu lực từ 01/7/2025) trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công chứng, nâng cao nhận thức của người dân về hoạt động công chứng; khuyến khích cá nhân, tổ chức thực hiện công chứng hợp đồng, giao dịch tại các tổ chức hành nghề công chứng để bảo đảm tính chuyên nghiệp, bảo đảm an toàn pháp lý cho các bên tham gia hợp đồng, giao dịch, góp phần giảm tải công việc chứng thực hợp đồng, giao dịch của UBND cấp xã.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp;
- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức có liên quan, Hội Công chứng viên tỉnh, các tổ chức hành nghề công chứng;
- Thời gian thực hiện: Trong năm 2025 (ban hành Kế hoạch của UBND tỉnh trong Quý I/2025).

b) Triển khai Đề án tăng cường quản lý Nhà nước trong hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 19/01/2024 của UBND tỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu tiếp tục xã hội hóa hoạt động công chứng, bảo đảm phát triển tổ chức hành nghề công chứng phù hợp với mục tiêu, định hướng của Luật Công chứng năm 2024 (có hiệu lực từ 01/7/2025), Nghị quyết số 172/NQ-CP ngày 19/11/2020 của Chính phủ và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp;
- Cơ quan phối hợp: Văn phòng UBND tỉnh; các cơ quan, tổ chức có liên quan, Hội Công chứng viên tỉnh;
- Thời gian thực hiện: Trong năm 2025.

c) Phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 25/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động “tín dụng đen”; Công văn số 3156/UBND-KTTH ngày 12/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện Công điện số 766/CĐ-TTg ngày 24/8/2023 về việc tăng cường các giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý hoạt động “tín dụng đen” trong giai đoạn hiện nay.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp;
- Cơ quan phối hợp: Công an tỉnh, Ngân hàng nhà nước Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Bắc Ninh; các cơ quan, tổ chức có liên quan, Hội Công chứng viên tỉnh Bắc Ninh, các tổ chức hành nghề công chứng, Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn tỉnh;
- Thời gian thực hiện: Trong năm 2025 và các năm tiếp theo.

d) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công chứng; triển khai Dự án xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực hợp đồng, giao dịch, đáp ứng yêu cầu của việc xây dựng Chính phủ điện tử.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp;

- Cơ quan phối hợp: Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Hội Công chứng viên tỉnh và cơ quan, tổ chức có liên quan;

- Thời gian thực hiện: Năm 2025 và những năm tiếp theo.

đ) Thực hiện kiểm tra, thanh tra việc tổ chức và hoạt động của công chứng viên, các tổ chức hành nghề công chứng, phát hiện, xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật của các công chứng viên, các tổ chức hành nghề công chứng đúng theo quy định của pháp luật:

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp;

- Cơ quan phối hợp: Hội Công chứng viên tỉnh Bắc Ninh và các cơ quan, tổ chức có liên quan;

- Thời gian thực hiện: Trong năm 2025.

e) Phát huy trách nhiệm tự quản của Hội Công chứng viên tỉnh trong việc giám sát hoạt động hành nghề của các Công chứng viên; hỗ trợ tham gia quản lý Nhà nước lĩnh vực công chứng, xử lý nghiêm các hội viên vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức hành nghề công chứng hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý các cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật về công chứng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội công chứng viên Việt Nam.

- Cơ quan chủ trì: Hội Công chứng viên tỉnh Bắc Ninh;

- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan;

- Thời gian thực hiện: Năm 2025 và những năm tiếp theo.

g) Tổ chức hội nghị tọa đàm, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng hành nghề của Công chứng viên; hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về tổ chức hoạt động đối với các tổ chức hành nghề công chứng, Công chứng viên.

- Cơ quan chủ trì: Hội Công chứng viên tỉnh Bắc Ninh;

- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan;

- Thời gian thực hiện: Năm 2024 và những năm tiếp theo.

h) Rà soát, góp ý, kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực công chứng cũng như những giải pháp để triển khai tốt Luật Công chứng năm 2024 (Có hiệu lực từ 01/7/2025).

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp;

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức có liên quan, Hội Công chứng viên tỉnh Bắc Ninh;

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên năm 2025 và theo yêu cầu của Bộ Tư pháp.

2. Lĩnh vực chứng thực

a) Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 23/3/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh triển khai thực hiện dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính và nâng cấp Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về công chứng, chứng thực” trên địa bàn tỉnh; tiếp tục đẩy mạnh việc chỉ đạo hoạt động chứng thực điện tử bản sao từ bản chính đối với các Phòng Tư pháp, Trung tâm Hành chính công cấp huyện; bộ phận “tiếp nhận và trả kết quả” UBND các xã, phường, thị trấn;

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.
- Đơn vị phối hợp: UBND các huyện, thị xã, thành phố.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm 2025.

b) Kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ chứng thực; chứng thực điện tử bản sao từ bản chính:

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.
- Đơn vị phối hợp: UBND các huyện, thị xã, thành phố.
- Thời gian thực hiện: Theo Kế hoạch kiểm tra tư pháp cơ sở năm 2025.

c) Báo cáo UBND trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định hỗ trợ phí chứng thực điện tử bản sao từ bản chính trên địa bàn tỉnh.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.
- Đơn vị phối hợp: Sở Tài chính, các Sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố.
- Thời gian thực hiện: Quý II/2025.

3. Lĩnh vực quản lý luật sư

a) Tiếp tục triển khai các nội dung trong Kết luận số 209-KL/TU ngày 09/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc triển khai và thực hiện Kết luận số 69-KL/TW ngày 24/02/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tổ chức và hoạt động luật sư:

- Cơ quan tham mưu chủ trì: Sở Tư pháp;
- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức có liên quan, Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư tỉnh;
- Thời gian thực hiện: Trong năm 2025.

b) Tham mưu công tác phê duyệt kết quả Đại hội nhiệm kỳ lần thứ VII Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Ninh (Nhiệm kỳ 2024 - 2029) và tổ chức Đại hội bất thường để bầu Chủ nhiệm Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Ninh, nhiệm kỳ 2024 - 2029.

- Cơ quan tham mưu chủ trì: Sở Tư pháp;
- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức có liên quan, Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư tỉnh;
- Thời gian thực hiện: Quý I, Quý II năm 2025.

c) Rà soát, góp ý, kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật về luật sư, tư vấn pháp luật cũng như những giải pháp nhằm tiếp tục hoàn thiện thể chế về luật sư.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp;

- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ, Đoàn Luật sư tỉnh và các Sở, ngành có liên quan;

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

d) Tăng cường vai trò tự quản của Đoàn Luật sư tỉnh; nâng cao tính chuyên nghiệp của hoạt động luật sư và tổ chức hành nghề luật sư. Rà soát đội ngũ luật sư, đánh giá chất lượng hành nghề luật sư, tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động hành nghề luật sư; tổ chức lớp bồi dưỡng nghiệp vụ luật sư định kỳ hàng năm theo quy định.

- Cơ quan chủ trì: Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư;

- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp, tổ chức hành nghề luật sư và cơ quan, tổ chức có liên quan;

- Thời gian thực hiện: Trong năm 2025.

đ) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra tổ chức và hoạt động luật sư, tổ chức hành nghề luật sư trên địa bàn tỉnh:

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp;

- Cơ quan phối hợp: Ban Chủ nhiệm Đoàn Luật sư tỉnh và cơ quan, tổ chức có liên quan;

- Thời gian thực hiện: Trong năm 2025.

4. Lĩnh vực giám định tư pháp

a) Phối hợp rà soát, nghiên cứu, xây dựng các quy định liên quan đến giám định tư pháp tại địa phương; rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật có liên quan đến công tác chuyên môn giám định tư pháp hoặc liên quan đến tổ chức và hoạt động các cơ quan, tổ chức giám định tư pháp.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp;

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025 và những năm tiếp theo.

b) Tiếp tục củng cố, kiện toàn, bảo đảm điều kiện và nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ đạo và Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án 250 tỉnh về tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp:

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp;

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức có liên quan;

- Thời gian thực hiện: Năm 2025 và những năm tiếp theo.

c) Tổ chức kiểm tra hoạt động giám định tư pháp:

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp;

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức có liên quan;

- Thời gian thực hiện: Quý III năm 2025.

d) Phát triển số lượng, nâng cao chất lượng giám định viên, người giám định theo vụ việc, tổ chức giám định theo vụ việc:

- Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các tổ chức giám định tư pháp;

- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp;

- Thời gian thực hiện: Trong năm 2025 và những năm tiếp theo.

đ) Tăng cường chế độ thông tin, phối hợp giữa Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, cơ quan tiền hành tố tụng liên quan đến hoạt động giám định tư pháp với Sở Tư pháp:

- Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp, Công an tỉnh, TAND tỉnh, Viện KSND tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;

- Thời gian thực hiện: Năm 2025 và những năm tiếp theo.

5. Lĩnh vực đấu giá tài sản

a) Đẩy mạnh công tác triển khai, phổ biến các quy định mới của Luật sửa đổi, bổ sung Luật Đấu giá tài sản năm 2024 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025), Chỉ thị số 40/CT-TTg ngày 02/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với hoạt động đấu giá tài sản; Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 30/3/2021 của UBND tỉnh tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với hoạt động đấu giá tài sản và kinh doanh bất động sản trên địa bàn tỉnh và các văn bản có liên quan.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp;

- Cơ quan phối hợp: Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan;

- Thời gian thực hiện: Trong năm 2025.

b) Tiến hành các hoạt động kiểm tra, thanh tra về tổ chức và hoạt động các tổ chức đấu giá tài sản; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động đấu giá tài sản:

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp;

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan;

- Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2025.

c) Rà soát, cung cấp thông tin của tổ chức hành nghề đấu giá trên địa bàn tỉnh cho Cục Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp để công bố, đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp, Trang thông tin điện tử chuyên ngành về đấu giá tài sản:

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp;

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên khi có thay đổi, biến động.

6. Lĩnh vực Thừa phát lại

a) Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật về chế định Thừa phát lại để người dân, các tổ chức biết, tiếp cận và sử dụng các dịch vụ Thừa phát lại theo quy định của pháp luật.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp;

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức có liên quan và các tổ chức Thừa phát lại;

- Thời gian thực hiện: Trong năm 2025.

b) Thực hiện thanh tra, kiểm tra về tổ chức và hoạt động Thừa phát lại:

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp;

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức có liên quan;

- Thời gian thực hiện: Theo Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2025.

c) Xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu Vi bằng thừa phát lại:

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp;

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức có liên quan và các tổ chức Thừa phát lại;

- Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2025- 2030.

7. Lĩnh vực Trọng tài thương mại, hòa giải thương mại, quản tài viên và hành nghề quản lý thanh lý tài sản

Thực hiện tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật của Nhà nước về trọng tài thương mại, hòa giải thương mại, quản tài viên và hành nghề quản lý thanh lý tài sản; đảm bảo tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính về trọng tài thương mại, hòa giải thương mại, quản tài viên và hành nghề quản lý thanh lý tài sản kịp thời, đúng pháp luật; tăng cường phối hợp với các cơ quan có liên quan trong triển khai thực hiện quản lý nhà nước về trọng tài thương mại, hòa giải thương mại, quản tài viên và hành nghề quản lý thanh lý tài sản nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp;

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp có liên quan;

- Thời gian thực hiện: Trong năm 2025.

8. Về quản lý đăng ký biện pháp bảo đảm

a) Hướng dẫn, giải đáp về nghiệp vụ, vướng mắc phát sinh liên quan đến lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm:

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp;

- Cơ quan phối hợp: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh hướng dẫn hoặc xin ý kiến cơ quan chủ quản (Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm, Bộ Tư pháp) giải đáp, cho ý kiến chỉ đạo.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

b) Kiểm tra hoạt động đăng ký biện pháp bảo đảm:

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp;

- Cơ quan phối hợp: Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Thời gian thực hiện: Theo kế hoạch kiểm tra tư pháp cơ sở năm 2025.

9. Về trợ giúp pháp lý và tư vấn pháp luật

a) Đổi mới hoạt động, từng bước nâng cao chất lượng hoạt động Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng:

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp;

- Cơ quan phối hợp: Các ngành thành viên Hội đồng phối hợp liên ngành về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm 2025.

b) Chủ động phối hợp, huy động các tổ chức, nguồn lực xã hội tích cực đăng ký tham gia hoạt động trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật:

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp (Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Ninh).

- Cơ quan phối hợp: Các tổ chức hành nghề luật sư, luật sư, trung tâm tư vấn pháp luật.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm 2025.

c) Đổi mới, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật, cung cấp tốt nhất các dịch vụ trợ giúp pháp lý ở cơ sở:

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp (Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Ninh).

- Cơ quan phối hợp: Phòng Tư pháp các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm 2025.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện quản lý nhà nước về công tác hỗ trợ tư pháp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2025 của UBND tỉnh. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch này, có phát sinh khó khăn, vướng mắc, cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh để kịp thời xem xét, chỉ đạo./.



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật
trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 829 /QĐ-UBND ngày 31/12/2024
của UBND tỉnh Bắc Ninh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, toàn diện các quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật (sau đây gọi là Nghị định số 59/2012/NĐ-CP và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP).

- Xem xét, đánh giá khách quan thực trạng thi hành pháp luật, đặc biệt là trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành để kịp thời phát hiện những tồn tại, vướng mắc, bất cập và đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm góp phần nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu

- Việc theo dõi thi hành pháp luật phải được thực hiện thường xuyên, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm. Thực hiện đầy đủ các nội dung theo dõi thi hành pháp luật quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP, Nghị định số 32/2020/NĐ-CP và phù hợp với tình hình thực tế của ngành, địa phương.

- Xác định cụ thể nội dung công việc, thời hạn hoàn thành; Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa Sở Tư pháp với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Theo dõi chung tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh

1.1. Tổ chức tuyên truyền, tập huấn về theo dõi thi hành pháp luật

Tuyên truyền, tập huấn các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành, các cơ quan Trung ương tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thời gian thực hiện: Cả năm 2025

1.2. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị, địa phương thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành, các cơ quan Trung ương tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thời gian thực hiện: Cả năm 2025

2. Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành

Trên cơ sở Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm liên ngành năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ và thực tiễn thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh, Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh xác định lĩnh vực trọng tâm liên ngành để bổ sung vào Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

3. Các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật

3.1. Ban hành kế hoạch theo dõi

- Nội dung hoạt động: Trong phạm vi quản lý nhà nước được giao, các cơ quan, đơn vị ban hành kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong đó xác định lĩnh vực trọng tâm, liên ngành cần theo dõi.

- Sản phẩm đầu ra: Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong đó có lĩnh vực trọng tâm, liên ngành phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, đơn vị.

- Cơ quan thực hiện: Các sở, ban, ngành, các cơ quan Trung ương tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Thời gian thực hiện: Trước 31/01/2025.

3.2. Xây dựng danh mục các văn bản quy phạm pháp luật

- Nội dung hoạt động: Nghiên cứu, rà soát, tổng hợp để xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành theo lựa chọn.

- Sản phẩm đầu ra: Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực, trọng tâm liên ngành cần theo dõi.

- Cơ quan thực hiện: Các sở, ban, ngành, các cơ quan Trung ương tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Thời gian thực hiện: Quý III năm 2025.

3.3. Tổ chức thu thập, xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật

- Nội dung hoạt động:

+ Thu thập thông tin từ báo cáo của các cơ quan nhà nước về tình hình thi hành pháp luật; thông tin tình hình thi hành pháp luật được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông tin do các tổ chức, cá nhân cung cấp.

+ Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định tại Điều 14 Nghị định 59/2012/NĐ-CP và khoản 5 Điều 1 Nghị định số 32/2020/NĐ-CP.

- Sản phẩm đầu ra: Văn bản xử lý hoặc văn bản kiến nghị xử lý thông tin về tình hình thi hành pháp luật.

- Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành, các cơ quan Trung ương tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Thời gian thực hiện: Cả năm 2025.

3.4. Kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật

- Nội dung hoạt động: Kiểm tra và điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành theo lựa chọn.

- Sản phẩm đầu ra: Thông báo Kết luận kiểm tra; Báo cáo kết quả điều tra khảo sát.

- Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành, các cơ quan Trung ương tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Thời gian thực hiện: Quý III năm 2025.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch này.

- Chủ trì rà soát, tổng hợp để xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm liên ngành của tỉnh.

- Tham mưu cho UBND tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra và điều tra khảo sát tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm liên ngành; Xây dựng kế hoạch, phối hợp với các đơn vị thực hiện và tiến hành kiểm tra và điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành.

- Tổng hợp kết quả, xây dựng dự thảo báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và cơ quan Trung ương tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh

- Căn cứ vào kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của bộ, ngành quản lý và Kế hoạch này, tùy vào đặc điểm, tình hình của từng cơ quan, đơn vị để xác định, lựa chọn lĩnh vực trọng tâm, xây dựng Kế hoạch thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư 04/2021/TT-BTP ngày 21/6/2021 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 và Nghị định số 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 và gửi về Sở Tư pháp *trước ngày 31/01/2025* để theo dõi, tổng hợp.

- Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo Kế hoạch này; cử cán bộ tham gia Đoàn kiểm tra và điều tra, khảo sát trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành khi có yêu cầu.

- Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị thuộc quyền quản lý trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

- Định kỳ báo cáo kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định và báo cáo đột xuất (nếu có).

- Bảo đảm các điều kiện cần thiết cho công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

3. Trách nhiệm của UBND các huyện, thị xã thành phố

- Xây dựng, ban hành kế hoạch thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật của địa phương theo quy định tại Điều 3 Thông tư 04/2021/TT-BTP ngày 21/6/2021 của Bộ Tư pháp *trước ngày 31/01/2025*, trong đó xác định lĩnh vực theo dõi trọng tâm, liên ngành đã được xác định tại Kế hoạch này hoặc tùy vào tình hình thực tế tại địa phương có thể xác định lĩnh vực trọng tâm khác, gửi Sở Tư pháp để theo dõi, tổng hợp.

- Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Kế hoạch này, báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Sở Tư pháp.

- Chỉ đạo, đôn đốc kiểm tra các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

- Định kỳ báo cáo kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định và báo cáo đột xuất (nếu có).

- Bảo đảm các điều kiện cần thiết cho công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn.

4. Kinh phí thực hiện

- Kinh phí thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật được sử dụng trong dự toán kinh phí ngân sách năm 2025 của các đơn vị, địa phương.

- Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị liên quan bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này.

5. Chế độ báo cáo

Thực hiện theo quy định tại Nghị định 32/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012; Thông tư 04/2021/TT-BTP ngày 21/6/2021 của Bộ Tư pháp; Thông tư 08/2024/TT-BTP ngày 15/8/2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết việc xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch này, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Tư pháp để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Thực hiện công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính
trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 829 /QĐ-UBND ngày 31 /12/2024
của UBND tỉnh Bắc Ninh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Thực hiện đầy đủ, có hiệu quả Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020; Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

b) Tổ chức tốt việc tuyên truyền, phổ biến Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020; Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực và các văn bản hướng dẫn có liên quan đến các tầng lớp nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức; làm tốt công tác tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xử lý vi phạm hành chính các cấp.

c) Đảm bảo cơ chế phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương trong việc trao đổi, cung cấp thông tin về xử lý vi phạm hành chính để phục vụ cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

d) Tổ chức kiểm tra, thanh tra công tác xử lý vi phạm hành chính, nhằm xem xét, đánh giá tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh, về trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan tổ chức trong quản lý, chỉ đạo thực hiện công tác xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình.

2. Yêu cầu

a) Xác định cụ thể nội dung công việc, thời hạn hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan trong việc triển khai thi hành các văn bản liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính.

b) Kiểm tra, thanh tra chuyên sâu, toàn diện công tác xử lý vi phạm hành chính thông qua kiểm tra việc thực hiện các nội dung: Thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định; trình tự, thủ tục xử lý hành vi vi phạm hành

chính; áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính; thi hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

c) Trong quá trình thực hiện, phải đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan liên quan, kịp thời đôn đốc, hướng dẫn và tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020; Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn có liên quan và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Xây dựng, hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

Từ thực tiễn công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính, kịp thời phát hiện, kiến nghị, đề xuất, đóng góp ý kiến nhằm xây dựng, hoàn thiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành, cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thời gian thực hiện: Cả năm 2025.

2. Công tác phổ biến pháp luật; tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính

a) Công tác phổ biến pháp luật.

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến về quy định các hành vi vi phạm và chế tài xử lý trong các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực có nhiều vi phạm như đất đai, xây dựng, an toàn giao thông, an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy, nghĩa vụ quân sự... thông qua các hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật, các phương tiện thông tin đại chúng nhằm tiếp tục nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục đẩy mạnh phổ biến, triển khai Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2020; Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan bằng hình thức phù hợp nhằm tiếp tục nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức trong công tác xử lý vi phạm hành chính.

Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành, cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thời gian thực hiện: Cả năm 2025.

b) Công tác tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính.

- Tổ chức hội nghị tập huấn chuyên sâu công tác xử lý vi phạm hành chính cho công chức, viên chức thực hiện xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

Đơn vị thực hiện: Các sở, ban, ngành, cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thời gian thực hiện: Cả năm 2025.

- Hướng dẫn nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính cho các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thành phố.

Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành, cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh và UBND các cấp.

Thời gian thực hiện: Cả năm 2025.

3. Công tác kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

3.1. Kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại Công an tỉnh (lĩnh vực giao thông); UBND thành phố Từ Sơn; Sở Xây dựng.

Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

Đơn vị phối hợp: Công an tỉnh; UBND thành phố Từ Sơn; Sở Xây dựng.

Thời gian thực hiện: Quý II năm 2025.

3.2. Trên cơ sở thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, phòng Tư pháp các huyện, thị xã, thành phố căn cứ tình hình thực tiễn tại địa phương, tham mưu Chủ tịch UBND cùng cấp thành lập đoàn kiểm tra liên ngành thực hiện kiểm tra một hoặc một số lĩnh vực tại địa phương.

3.3. Các sở, ban, ngành, cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm tổ chức kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý.

4. Thống kê, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính

Triển khai việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp. Phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố thu thập số lượng, hình thức, quyết định về xử lý vi phạm hành chính tại các đơn vị trên địa bàn tỉnh.

Đơn vị chủ trì: Sở Tư pháp.

Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, các cơ quan trung ương tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh và UBND các huyện, thành phố.

Thời gian thực hiện: Cả năm 2025.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tư pháp:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương tổ chức triển khai hội nghị phổ biến quy định của pháp luật về hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực; tập huấn nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành cho các cán bộ, công chức, viên chức làm nhiệm vụ xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và UBND cấp huyện triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh; triển khai việc cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin và khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

c) Phối hợp với Sở Tài chính đề nghị HĐND và UBND tỉnh bố trí ngân sách phù hợp để triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này.

d) Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành kế hoạch kiểm tra và thành lập đoàn kiểm tra liên ngành về xử lý vi phạm hành chính; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành kiểm tra theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh:

a) Xây dựng Kế hoạch về công tác xử lý vi phạm hành chính và gửi kết quả về Sở Tư pháp *trước 31/01/2025* để theo dõi, tổng hợp; triển khai thực hiện hiệu quả kế hoạch đã ban hành.

b) Phối hợp với Sở Tư pháp triển khai thực hiện công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Kế hoạch này.

c) Kiểm tra công tác xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý và báo cáo kết quả về Sở Tư pháp ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra.

3. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

a) Xây dựng Kế hoạch công tác xử lý vi phạm hành chính và gửi về Sở Tư pháp *trước ngày 31/01/2025* để theo dõi, tổng hợp.

b) Phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan triển khai thực hiện công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Kế hoạch này.

c) Tùy vào tình hình thực tế tại địa phương, lựa chọn lĩnh vực kiểm tra phù hợp, thực hiện kiểm tra và báo cáo kết quả về Sở Tư pháp ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra.

d) Bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện hiệu quả công tác xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính sử dụng trong nguồn kinh phí chuyên môn nghiệp vụ và chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định về phân cấp ngân sách.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị liên quan bố trí kinh phí đảm bảo thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này.

V. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, UBND cấp huyện thu thập thông tin, số liệu, xây dựng báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo Thông tư 01/2023/TT-BTP ngày 16/01/2023 của Bộ Tư pháp quy định chế độ báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Sở Tư pháp tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện việc báo cáo Bộ Tư pháp về công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính tại địa phương theo quy định.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch này, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Tư pháp để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN CÔNG TÁC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 229 /QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của
UBND tỉnh Bắc Ninh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về hòa giải ở cơ sở (HGOCS); tiếp tục thực hiện có hiệu quả Luật HGOCS và các văn bản hướng dẫn thi hành; gắn với mục tiêu, yêu cầu của Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

2. Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 17/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2024 - 2030”; Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2024 - 2030” trên địa bàn tỉnh nhằm xây dựng đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở trên địa bàn tỉnh có trình độ, kỹ năng hòa giải đáp ứng yêu cầu của công tác HGOCS trong giai đoạn mới.

3. Phát huy sự chủ động, tích cực của cấp ủy, chính quyền cấp huyện, cấp xã đối với công tác HGOCS, vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

4. Đảm bảo nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước cho công tác HGOCS, huy động các nguồn lực xã hội tham gia, hỗ trợ công tác HGOCS.

5. Việc thực hiện Kế hoạch đảm bảo hiệu quả thực chất, thiết thực, gắn với Kế hoạch xây dựng Mô hình điển hình về PBGDPL, HGOCS, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, nông thôn mới, đô thị văn minh.

II. NỘI DUNG CÔNG VIỆC CỤ THỂ

1. Tiếp tục thực hiện chỉ đạo điểm

a) UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục chỉ đạo điểm, xây dựng “cấp xã điển hình về HGOCS” đối với các đơn vị được lựa chọn và thực hiện

tại các đơn vị mới trong năm 2025 theo Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2024 - 2030” trên địa bàn tỉnh.

- Hoạt động chỉ đạo điềm tập trung vào các nội dung:

+ Trên cơ sở rà soát, đánh giá thực trạng năng lực, trình độ của đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở (HGVOCS), tiến hành củng cố, kiện toàn tổ hòa giải, bầu bổ sung, thay thế HGVOCS, bảo đảm các tổ hòa giải đủ số lượng, thành phần, tiêu chuẩn đáp ứng nhu cầu của công tác HGOCS.

+ Hướng dẫn, tạo điều kiện cho đội ngũ luật sư, luật gia, Hội thẩm nhân dân, lực lượng Công an nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức công tác trong lĩnh vực pháp luật, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, người đã từng là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên phối hợp, hỗ trợ cho tổ hòa giải.

+ Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước về công tác HGOCS cho đội ngũ công chức tư pháp - hộ tịch.

+ Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho HGVOCS (tổ chức các lớp tập huấn; cấp phát tài liệu; tổ chức các diễn đàn giao lưu, trao đổi kinh nghiệm ...).

+ Xây dựng mô hình “cấp xã điển hình về HGOCS”.

+ Hỗ trợ pháp lý, kỹ năng thực hiện hòa giải các vụ việc phức tạp, tranh chấp tài sản có giá trị lớn và các vi phạm pháp luật thuộc trường hợp được HGOCS; hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện thủ tục đề nghị Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Huy động nguồn lực xã hội hỗ trợ việc nâng cao năng lực cho đội ngũ HGVOCS.

+ Đánh giá hiệu quả công tác chỉ đạo điềm; biểu dương, khen thưởng tổ chức, cá nhân, HGVOCS có đóng góp tích cực, hiệu quả trong công tác HGOCS.

- Cơ quan chủ trì: UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan, tổ chức liên quan.

2. Kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ tập huấn viên cấp tỉnh, cấp huyện

a) Rà soát, kiện toàn đội ngũ tập huấn viên cấp tỉnh, cấp huyện bảo đảm hoạt động thực chất, hiệu quả như mục tiêu đã đề ra; bổ sung nguồn tập huấn viên là đội ngũ Thẩm phán, Kiểm sát viên, Hội thẩm nhân dân, luật gia, luật sư, lực lượng Công an nhân dân, quân sự.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh kiện toàn đội ngũ tập huấn viên cấp tỉnh; chỉ đạo UBND huyện, thị xã, thành phố kiện toàn đội ngũ tập huấn viên cấp huyện.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

b) *Tổ chức tham gia tập huấn kiến thức pháp luật và phương pháp bồi dưỡng, kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho đội ngũ tập huấn viên cấp tỉnh do Bộ Tư pháp tổ chức.*

c) *Tổ chức tập huấn kiến thức pháp luật và phương pháp bồi dưỡng, kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho đội ngũ tập huấn viên cấp huyện bằng hình thức phù hợp.*

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

d) *Biên soạn, phát hành các tài liệu dành cho đội ngũ tập huấn viên (tài liệu về phương pháp hướng dẫn kỹ năng bồi dưỡng cho hòa giải viên ở cơ sở, bài giảng mẫu, tài liệu hỗ trợ khác).*

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

3. Xây dựng đội ngũ HGVOCS có đủ tiêu chuẩn, năng lực đáp ứng yêu cầu của công tác HGOCS.

a) *Chỉ đạo, tổ chức rà soát, đánh giá, kiện toàn tổ hòa giải, bảo đảm các tổ hòa giải đủ số lượng, thành phần, tiêu chuẩn theo quy định của Luật HGOCS; xây dựng đội ngũ HGVOCS từ nguồn tuyên truyền viên pháp luật cấp xã; huy động cán bộ, công chức cấp xã, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở làm HGVOCS.*

- Cơ quan chủ trì: UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

b) *Chỉ đạo, tổ chức khảo sát, đánh giá năng lực, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho HGVOCS.*

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

c) *Biên soạn, phát hành các tài liệu về kiến thức pháp luật, kỹ năng cho đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở.*

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.
- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

d) Tổ chức tập huấn cho đội ngũ HGVOCS theo Chương trình khung và Bộ tài liệu bồi dưỡng kỹ năng HGOCS do Bộ Tư pháp ban hành.

- Chỉ tiêu, số lượng: 01 lớp/huyện, thị xã, thành phố cho 20% số HGVOCS của các huyện, thị xã, thành phố.

- Nội dung: 03 chuyên đề, 50 tiết theo Chương trình khung của Bộ Tư pháp.

- Thời gian: Mỗi lớp 01 ngày

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp

- Cơ quan phối hợp: UBND các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Quý I và quý II năm 2025.

4. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước về công tác HGOCS cho đội ngũ lãnh đạo UBND cấp xã, công chức tư pháp - hộ tịch

- Cơ quan chủ trì: UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

5. Phối hợp nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật nhằm nâng cao năng lực đội ngũ HGVOCS

a) Phối hợp rà soát quy định của Luật HGOCS và văn bản hướng dẫn thi hành, các văn bản khác có liên quan để đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định về cơ chế, chính sách phù hợp đối với HGVOCS.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh thực hiện.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

b) Bố trí kinh phí bảo đảm thực hiện các nội dung chi, mức chi cho công tác HGOCS theo quy định pháp luật.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh thực hiện.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

6. Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác HGOCS

a) Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về vai trò, ý nghĩa, kết quả công tác HGOCS; gương HGVOCS giỏi; các mô hình hay, cách làm hiệu quả trong công tác này; truyền thông về các quy định pháp luật, kỹ năng, phương pháp nhằm nâng cao năng lực đội ngũ HGVOCS.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, cơ quan báo chí trung ương, địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

b) Số hóa và đăng tải các tài liệu tập huấn, bồi dưỡng, các ấn phẩm khác về HGOCS trên Cổng Thông tin điện tử PBGDPL quốc gia, Cổng/Trang Thông tin điện tử PBGDPL và trên mạng xã hội.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

7. Thu hút đội ngũ luật sư, luật gia, Hội thẩm nhân dân, lực lượng Công an nhân dân, cán bộ, công chức, viên chức công tác trong lĩnh vực pháp luật, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, người đã từng là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên tham gia, hỗ trợ cho công tác HGOCS; huy động các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hỗ trợ cho công tác HGOCS.

a) Ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

b) Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch phối hợp về công tác HGOCS.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

8. Tổ chức hội nghị, diễn đàn đối thoại, tọa đàm chia sẻ kinh nghiệm, tháo gỡ vướng mắc, vấn đề mới phát sinh trong công tác HGOCS; tổ chức hội thi hòa giải viên giỏi...

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

9. Đầu tư kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở

Bổ trí kinh phí bảo đảm cho công tác quản lý nhà nước về HGOCS và hỗ trợ cho hoạt động HGOCS địa bàn tỉnh theo quy định của Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác PBGDPL, chuẩn tiếp cận pháp luật và HGOCS, Kế hoạch của UBND tỉnh và các quy định pháp luật hiện hành.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tài chính và UBND cấp huyện

- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

10. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê; kiểm tra, khảo sát, sơ kết, tổ chức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác HGOCS.

a) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê về hoạt động HGOCS theo quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp:

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp, UBND cấp huyện.
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan.

b) Kiểm tra, khảo sát, sơ kết.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp, UBND cấp huyện.
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

b) Thực hiện tôn vinh, khen thưởng 80 HGVOCS và các tổ chức, cá nhân tích cực, có nhiều đóng góp, thành tích xuất sắc trong thực hiện công tác HGOCS.

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp tham mưu UBND tỉnh thực hiện;
- Cơ quan phối hợp: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

III. HƯỚNG DẪN NỘI DUNG KIỂM TRA

1. Những kết quả đạt được

1.1. Công tác xây dựng, ban hành văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện.

1.2. Công tác phổ biến, quán triệt (số lượng, hình thức, nội dung tổ chức, đại biểu tham dự; việc thực hiện các chuyên mục, chương trình, tin, bài và các hình thức, biện pháp khác để phổ biến, quán triệt Luật; nhất là trên các phương tiện thông tin đại chúng).

1.3. Chỉ đạo, hướng dẫn củng cố, kiện toàn đội ngũ làm công tác quản lý nhà nước về HGOCS; đội ngũ cán bộ, công chức của tổ chức chính trị - xã hội được giao nhiệm vụ theo dõi, hướng dẫn công tác HGOCS; kiện toàn mạng lưới tổ hòa giải, HGVOCS (số liệu, hoạt động, đánh giá kết quả hoạt động).

1.4. Biên soạn, phát hành tài liệu nghiệp vụ công tác HGOCS; tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức pháp luật, kỹ năng HGOCS để nâng cao năng lực đội ngũ HGVOCS; tổ chức thi HGVOCS giỏi (số lượng, hoạt động cụ thể...).

1.5. Kết quả hoạt động HGOCS (số vụ việc hòa giải được thực hiện; số vụ việc hòa giải thành, hòa giải không thành; lĩnh vực, phạm vi...).

1.6. Kết quả thực hiện Điều 6 của Luật về hỗ trợ kinh phí cho công tác HGOCS: Báo cáo cụ thể việc thực hiện nội dung, mức chi cho công tác HGOCS tại địa phương; nếu chưa thực hiện thì nêu rõ nguyên nhân, đề xuất giải pháp. Kinh phí cấp cho công tác HGOCS trong năm.

1.7. Công tác kiểm tra, thống kê số liệu về tổ chức và hoạt động HGOCS (Mẫu biểu kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp), khen thưởng các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác HGOCS.

1.8. Việc phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận theo quy định của Luật và các chương trình phối hợp công tác có liên quan.

1.9. Đánh giá chung về thuận lợi, khó khăn, tác động hiệu quả tích cực của việc triển khai thực hiện Luật trong đời sống kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh; các mô hình hay, cách làm hiệu quả.

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm

2.1. Tồn tại, hạn chế

- Trong thể chế, chính sách
- Trong nhận thức về vị trí, vai trò, ý nghĩa của công tác HGOCS; công tác chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp triển khai thi hành Luật; việc củng cố kiện toàn, nâng cao năng lực của tổ hòa giải và đội ngũ HGOCS.

- Về nguồn lực, các điều kiện bảo đảm để đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ đề ra; thực hiện quản lý nguồn lực và huy động các nguồn lực xã hội tham gia.

2.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân chủ quan: Từ các quy định của Luật (nêu rõ điều, khoản, điểm cụ thể của Luật còn chưa rõ ràng, khó hiểu, khó vận dụng hoặc chưa đầy đủ, chưa khả thi và phù hợp với thực tiễn); sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền, sự vào cuộc của các tổ chức đoàn thể; năng lực, trình độ của đội ngũ HGOCS; các điều kiện bảo đảm thực hiện Luật.

- Nguyên nhân khách quan tác động đến việc thực hiện Luật.

2.3. Bài học kinh nghiệm rút ra

3. Đề xuất, kiến nghị

3.1. Đề xuất, kiến nghị

3.1.1. Về thể chế

- Kiến nghị các nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Kiến nghị các nội dung cần đổi mới, cải tiến trong hoạt động quản lý nhà nước, theo dõi về hoạt động HGOCS.

3.1.2. Về tổ chức thi hành Luật: Đề xuất, kiến nghị biện pháp quản lý nhà nước về công tác HGOCS.

3.1.3. Đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động HGOCS; tăng tỷ lệ hòa giải thành; tăng cường sử dụng thiết chế hòa giải trong giải quyết mâu thuẫn tranh chấp.

3.2. Giải pháp./.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 61/2023/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 829 /QĐ-UBND ngày 31 /12/2024
của UBND tỉnh Bắc Ninh)

I. NỘI DUNG CÔNG VIỆC CỤ THỂ

1. Phối hợp đánh giá thực trạng, sơ kết, tổng kết việc xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước, triển khai Nghị định của Chính phủ về xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư theo chỉ đạo của Trung ương.

2. Rà soát các quy định của pháp luật hiện hành về hương ước, quy ước và nội dung hương ước, quy ước trên địa bàn bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 và các luật mới được Quốc hội thông qua theo chỉ đạo của Trung ương

- Cơ quan chủ trì: UBND cấp huyện (Phòng Tư pháp tham mưu, triển khai thực hiện).

- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp, các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

3. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê; định kỳ sơ kết, tổng kết, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng và thực hiện quy ước

- Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp và UBND cấp huyện.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Thời gian thực hiện: Theo chỉ đạo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

4. Thực hiện tự kiểm tra, kiểm tra việc thực hiện

II. HƯỚNG DẪN NỘI DUNG KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN

1. Đánh giá tình hình tổ chức thực hiện

a) Kết quả xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước thôn, làng, khu phố.

b) Kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nhiệm vụ này.

c) Bố trí cán bộ theo dõi, tham mưu triển khai thực hiện và kinh phí được bố trí dành cho các nhiệm vụ này (mức kinh phí cụ thể được bố trí, có so sánh, đối chiếu các năm).

2. Những khó khăn, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

3. Nhiệm vụ, giải pháp triển khai trong những năm tiếp theo; đề xuất, kiến nghị nâng cao hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ này./.



KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN QUY ĐỊNH VỀ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
ĐẠT CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT
(Ban hành kèm theo Quyết định số 829 /QĐ-UBND ngày 31 / 12 /2024
của UBND tỉnh Bắc Ninh)

I. NỘI DUNG CÔNG VIỆC CỤ THỂ:

1. Tập trung thực hiện Kế hoạch số 639/KH-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh về Triển khai thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (CTCPL) trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả quy định về xã, phường, thị trấn đạt CTCPL với đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đô thị văn minh năm 2025.

3. Xây dựng Mô hình điển hình về PBGDPL, HGOCS thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu về CTCPL trong Bộ Tiêu chí Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

4. Chế độ báo cáo, thống kê.

Sở Tư pháp giúp UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện triển khai các nhiệm vụ về cấp xã đạt CTCPL theo chỉ đạo và hướng dẫn của Trung ương và UBND tỉnh, tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh và Bộ Tư pháp trước ngày 28/11/2025.

5. Thực hiện tự kiểm tra, kiểm tra việc thực hiện

- Sở Tư pháp chủ trì phối hợp giúp UBND tỉnh thực hiện kiểm tra tại các 8/8 UBND cấp huyện và 02 UBND cấp xã tại các đơn vị cấp huyện được kiểm tra (Thời gian cụ thể có thông báo sau)

- UBND cấp huyện: Kiểm tra ít nhất 50% số UBND cấp xã trên địa bàn.

II. HƯỚNG DẪN NỘI DUNG KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện quy định về xã, phường, thị trấn đạt CTCPL ở các đơn vị, địa phương trên địa bàn.

- Công tác chỉ đạo triển khai: Xây dựng, triển khai kế hoạch...

- Các nguồn lực đảm bảo...

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ chấm điểm, đánh giá các tiêu chí tiếp cận pháp luật và công nhận cấp xã đạt CTCPL cho công chức được giao theo dõi, tham mưu triển khai nhiệm vụ này.

- Công tác phổ biến, truyền thông để nâng cao nhận thức về nhiệm vụ xây dựng cấp xã đạt CTCPL. Phối hợp tổ chức PBGDPL, truyền thông pháp luật tại các xã, phường, thị trấn; các đơn vị xã đăng ký nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, các đơn vị chưa đạt CTCPL năm 2025.

- Chế độ báo cáo, thống kê

- Thực hiện tự kiểm tra, kiểm tra việc thực hiện

2. Kết quả triển khai xây dựng các tiêu chí và đánh giá, công nhận cấp xã đạt CTCPL.

3. Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình triển khai ở cơ sở và giải pháp đề xuất./.



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, KHAI THÁC TỦ SÁCH PHÁP LUẬT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 829/QĐ-UBND ngày 31/12/2024
của UBND tỉnh Bắc Ninh)

I. NỘI DUNG CÔNG VIỆC CỤ THỂ

1. Tiếp tục thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về tủ sách pháp luật, chú trọng xây dựng tủ sách pháp luật điện tử theo quy định

- Trách nhiệm thực hiện: Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, UBND cấp huyện, cấp xã.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Thời gian thực hiện: Cả năm

2. Quản lý, khai thác tủ sách pháp luật.

- Trách nhiệm thực hiện: Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, UBND cấp huyện, cấp xã.

- Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị liên quan.

- Thời gian thực hiện: Cả năm

3. Chế độ báo cáo, kiểm tra, thống kê

Sở Tư pháp giúp UBND tỉnh theo dõi, đôn đốc các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện triển khai các nhiệm vụ về xây dựng, quản lý và khai thác Tủ sách pháp luật theo chỉ đạo và hướng dẫn của Trung ương và UBND tỉnh, tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh và Bộ Tư pháp trước ngày 28/11/2025.

7. Thực hiện tự kiểm tra, kiểm tra việc thực hiện

II. HƯỚNG DẪN NỘI DUNG KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN

1. Đánh giá tình hình tổ chức thực hiện

a) Kết quả đạt được

- Kết quả công tác PBGDPL qua việc quản lý, khai thác tủ sách pháp luật: nội dung, hình thức, biện pháp phổ biến; hiệu quả, tác động đối với kinh tế, xã hội của địa phương.

- Kết quả xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật

b) Kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nhiệm vụ này.

c) Bố trí cán bộ theo dõi, tham mưu triển khai thực hiện và kinh phí được bố trí dành cho các nhiệm vụ này (mức kinh phí cụ thể được bố trí, có so sánh, đối chiếu các năm).

2. Những khó khăn, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

3. Nhiệm vụ, giải pháp triển khai trong những năm tiếp theo; đề xuất, kiến nghị nâng cao hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ này./.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN CÔNG TÁC HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP
(Ban hành kèm theo Quyết định số 823 /QĐ-UBND ngày 31 /12 /2024
của UBND tỉnh Bắc Ninh)

I. NỘI DUNG CÔNG VIỆC CỤ THỂ

1. Tập trung tiếp tục thực hiện Kế hoạch triển khai Nghị định 55/2019/NĐ-CP, Chương trình Hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Chương trình và Kế hoạch thực hiện Chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025.

2. Giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp

Trên cơ sở yêu cầu của doanh nghiệp, việc giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp được thực hiện thông qua các hình thức: giải đáp bằng văn bản; giải đáp thông qua mạng điện tử; giải đáp trực tiếp hoặc thông qua điện thoại và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Sở Tư pháp phối hợp với bộ phận pháp chế các Sở, ngành liên quan thực hiện tiếp nhận và giải đáp các yêu cầu của doanh nghiệp liên quan đến pháp luật kịp thời, nhanh chóng và hiệu quả.

3. Tiếp nhận kiến nghị của doanh nghiệp

Sở Tư pháp phối hợp các Sở, ngành tỉnh và UBND cấp huyện có liên quan tổ chức triển khai thực hiện tiếp nhận kiến nghị của doanh nghiệp thông qua các hình thức: tiếp nhận bằng văn bản; tổ chức hội thảo, tọa đàm, diễn đàn về các chuyên đề pháp luật kinh doanh nhằm trao đổi, tiếp thu ý kiến, tổng hợp kiến nghị của doanh nghiệp liên quan đến các quy định pháp luật cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến các lĩnh vực pháp luật.

4. Xây dựng và khai thác cơ sở dữ liệu pháp luật phục vụ hoạt động của doanh nghiệp.

Tổ chức xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu pháp luật, phục vụ cho hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên lĩnh vực, ngành quản lý để doanh nghiệp tiếp cận, khai thác, sử dụng thông tin về các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và của tỉnh ban hành.

- Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

5. Bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp.

- Đơn vị thực hiện: Hội đồng tỉnh, các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện tăng cường công tác bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho doanh nghiệp trong phạm vi ngành, lĩnh vực do mình quản lý có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt là các văn bản pháp luật mới, các văn bản liên quan trực tiếp đến người dân và doanh nghiệp.

- Thời gian thực hiện: Cả năm

6. Báo cáo tổng kết công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp

Cơ quan chủ trì: Sở Tư pháp

Cơ quan phối hợp: Các Sở, ngành, UBND cấp huyện báo cáo kết quả triển khai thực hiện về Sở Tư pháp để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tư pháp.

Thời gian thực hiện: Chậm nhất vào ngày **30/11/2025**.

7. Thực hiện tự kiểm tra, kiểm tra việc thực hiện

II. HƯỚNG DẪN NỘI DUNG KIỂM TRA VIỆC THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn, ban hành văn bản triển khai công tác hỗ trợ pháp lý doanh nghiệp.
2. Kết quả triển khai các hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp
3. Kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nhiệm vụ này.
4. Bố trí cán bộ theo dõi, tham mưu triển khai thực hiện và kinh phí được bố trí dành cho các nhiệm vụ này (mức kinh phí cụ thể được bố trí, có so sánh, đối chiếu các năm).
5. Những khó khăn, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.
6. Nhiệm vụ, giải pháp triển khai trong những năm tiếp theo; đề xuất, kiến nghị nâng cao hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ này./.